SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông; Thời gian ký: 23/06/2023 14:11:05 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số 398/BC-UBND	*Đắk Nông, ngày 23 tháng 6 năm 2023*

BÁO CÁO
Xin ý kiến về hồ sơ và nội dung Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh); UBND tỉnh đã tổ chức triển khai đồng bộ Luật Quy hoạch và tổ chức lập Quy hoạch tỉnh đảm bảo trình tự, thủ tục, nội dung theo quy định. Đến nay, UBND tỉnh đã hoàn thành công tác tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng thẩm định trung ương; trình Hội đồng thẩm định Trung ương rà soát, trình Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 16, Luật Quy hoạch; Khoản 1, Điều 8, Quyết định số 360/QĐ-HĐTĐ ngày 21/3/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh; sau khi Trung ương có kết quả rà soát, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Quy hoạch để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Với khối lượng hồ sơ tương đối lớn, phức tạp, nội dung có tính chất quan trọng, quyết định đến định hướng phát triển của tỉnh trong thời kỳ 10 năm và tầm nhìn đến 30 năm. Do đó, để đảm bảo thuận lợi cho công tác nghiên cứu, thẩm tra, cho ý kiến và công tác tiếp thu, hoàn thiện tối đa nội dung Quy hoạch tỉnh. Trong thời gian Hội đồng thẩm định Trung ương rà soát và Tỉnh ủy cho ý kiến, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về hồ sơ và nội dung Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

A. Về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

Thứ nhất, quan điểm chung về phát triển tỉnh: Phát triển kinh tế nhanh, xanh và bền vững trên cơ sở tập trung nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh và dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh. Phát triển kinh tế với

mục đích mang lại cho người dân cuộc sống ấm no, từ đó xây dựng xã hội giàu mạnh. Phát triển kinh tế đi kèm với việc giữ gìn sự đa dạng trong văn hóa của các dân tộc, cũng như đa dạng sinh học của tỉnh, hướng đến phát triển kinh tế tuần hoàn. Phát triển dựa trên các trụ cột, trọng tâm chính để tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế đột phá và theo chiều sâu.

Thứ hai, quan điểm về tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội: Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và liên tục tạo ra các lợi thế so sánh mới để nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, nhất là tăng dần kinh tế số, chuyển đổi số. Quá trình phát triển tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội phải đảm bảo bền vững, lấy con người là trung tâm và là nguồn lực phát triển quan trọng nhất. Ứng dụng khoa học công nghệ, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc CMCN lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế. Phát triển hài hòa các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục,... đảm bảo mức sống cao cho người dân. Đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững, giảm chênh lệch về phát triển xã hội giữa các khu vực và giữa các nhóm dân tộc trong tỉnh.

Thứ ba, quan điểm về tổ chức không gian kinh tế - xã hội: Phát triển kinh tế tập trung vào các đô thị trọng điểm của các tiểu vùng, các trục phát triển để tạo động lực lan tỏa, đầu tàu kéo cả khu vực cùng phát triển, trong đó tập trung vào liên kết vùng và phát triển liên vùng. Phát triển hệ thống đô thị phù hợp với không gian kinh tế - xã hội, với điều kiện của từng địa phương, có tính chất, chức năng, bản sắc; các đô thị trở thành động lực phát triển của tỉnh, mang dấu ấn đậm nét của tiểu vùng Nam Tây Nguyên; phát triển đô thị xanh, hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại, thông minh, bảo đảm phát triển bền vững. Xây dựng phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn gắn với xây dựng nông thôn mới, có khả năng cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Thứ tư, quan điểm về phát triển kết cấu hạ tầng: Phát triển kết cấu hạ tầng phải đảm bảo đồng bộ, hiện đại, tôn trọng và dựa vào địa hình, tự nhiên; kết nối hệ thống giao thông với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường cao tốc, đường sắt; phát huy tốt vai trò gắn kết không gian giữa vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ. Phát triển hài hòa, đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng kinh tế, sản xuất với kết cấu hạ tầng xã hội chủ chốt: giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá.

Thứ năm, quan điểm về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích nghi, ứng phó tốt với biến đổi khí hậu và thiên tai cực đoan. Về quan điểm phân bố đất: Khai thác tối đa hiệu quả các loại hình sử dụng đất. Chuyển đổi một phần đất nông nghiệp để lấy quỹ đất phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, khu dân cư nông thôn và cơ sở hạ tầng. Bảo vệ hiện trạng diện tích đất rừng, đất mặt nước, sông suối; chuyển đổi mục đích sử dụng đất của những dự án nông, công

nghiệp và dịch vụ chưa triển khai hoặc khai thác không có hiệu quả. Khai thác quỹ đất chưa sử dụng một cách hợp lý.

Thứ sáu, quan điểm về đối ngoại, quốc phòng, an ninh: Phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới, tăng cường, thắt chặt hơn nữa quan hệ hữu nghị với tỉnh Mondulkiri/Vương quốc Campuchia, thông qua các mối liên kết chính trị, kinh tế vùng bền vững, đôi bên cùng phát triển.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Xây dựng tỉnh Đắk Nông trở thành địa phương có nền kinh tế năng động và bền vững của vùng Tây Nguyên, dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn. Phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá của vùng Tây Nguyên. Công nghiệp là động lực cho tăng trưởng và đưa Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp bôxít - nhôm và sau nhôm của quốc gia; là trung tâm năng lượng tái tạo của vùng Tây Nguyên. Phát triển trở thành trung tâm của du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, cộng đồng của vùng dựa trên lợi thế về khí hậu, cảnh quan, văn hóa, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Tái cơ cấu, chuyển đổi nền nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, bền vững, liên kết theo chuỗi giá trị, tạo giá trị gia tăng cao, gắn với thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, đô thị, nông thôn và hạ tầng xã hội được đầu tư hệ thống và đồng bộ. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện, người dân có mức sống, thu nhập khá trong vùng Tây Nguyên. Đảm bảo hài hoà giữa bảo tồn và phát triển, bảo vệ môi trường và cảnh quan bền vững. Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc về quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 9,05%.

(2) Cơ cấu kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 26,3%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27,7%; dịch vụ chiếm khoảng 40,8%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 5,2%.

(3) Tỷ trọng kinh tế số trong tổng GRDP đạt khoảng 12-15%.

(4) GRDP bình quân đầu người đạt trên 106 triệu đồng.

(5) Đóng góp TFP vào GRDP bình quân đạt 50%.

(6) Tốc độ năng suất lao động bình quân đạt trên 6,5%/năm.

(7) Tỷ lệ huy động vốn đầu tư xã hội/GRDP đạt khoảng từ 32% - 35%.

(8) Tốc độ tăng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh bình quân đạt 12 - 15%/năm.

(9) Giá trị sản phẩm nông nghiệp trên 01 ha đất trồng trọt đạt trên 150 triệu đồng; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp đạt 25% - 30%.

(10) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân 17% - 20%/năm.

(11) Doanh thu và lượt khách du lịch tăng bình quân trên 15%/năm.

- Về xã hội

(12) Tốc độ tăng dân số bình quân đạt giai đoạn 2021 - 2025 đạt 2,6%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 đạt 3,0%/năm.

(13) Cơ cấu lao động làm việc trong các ngành kinh tế: nông, lâm nghiệp và thủy sản 45,6%; công nghiệp - xây dựng 21,5%; thương mại - dịch vụ 32,9%.

(14) Tỷ lệ lao động qua đào tạo làm việc trong nền kinh tế đạt 68%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%.

(15) Tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 73,2%.

(16) Bình quân 1 vạn dân có 11 bác sỹ và 32 giường bệnh.

(17) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

(18) Bình quân hằng năm giảm tỉ lệ hộ nghèo 3% trở lên, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên theo chuẩn nghèo mới.

- Về hạ tầng và xây dựng nông thôn mới

(19) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt 30% và đến năm 2030 đạt trên 35%.

(20) Tỷ lệ nhựa hóa chung đường tỉnh đạt trên 88%.

(21) Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 16% - 26%.

(22) 100% dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4; 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

(23) Tỷ lệ bảo đảm cho diện tích canh tác cần tưới được tưới đạt 90%.

(24) Số xã đạt chuẩn nông thôn mới có ít nhất 54 xã (tương đương 90%), trong đó có ít nhất 30 xã (tương đương 50%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 5/8 huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới.

(25) Tỷ lệ hộ được sử dụng điện, đảm bảo an toàn đạt 99,5%.

- Về môi trường

(26) Tỷ lệ hộ đô thị được sử dụng nước sạch và nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt từ 85 - 90%.

(27) Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo môi trường đạt 100% ở thành phố; 90% ở thị xã, thị trấn và 85% ở nông thôn.

(28) Tỷ lệ chất thải công nghiệp và y tế không nguy hại và nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường đạt 100%.

(29) Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây phân tán) đạt trên 42%.

- Về quốc phòng, an ninh

(30) Xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, hiện đại, giữ vững an ninh chính trị, trật tư, an toàn xã hội.

(31) Phát triển quan hệ đối ngoại và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, phát triển.

3. Các đột phá phát triển

- Ba trụ cột kinh tế: (1) Tổ hợp công nghiệp bôxít - nhôm - luyện kim và công nghiệp năng lượng tái tạo; (2) Nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với thị trường; (3) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan thiên nhiên, cộng đồng và công viên địa chất.

- Bốn trung tâm đô thị: (1) Đô thị Gia Nghĩa là đô thị loại III (từng bước đạt các chỉ tiêu cơ bản của đô thị loại II); (2) Đô thị Đắk Mil (thành lập thị xã Đắk Mil, đạt đô thị loại III); (3) Đô thị Đắk R'lấp (thành lập thị xã Đắk R'lấp); (4) Đô thị Ea T'Ling (thành lập thị xã Cư Jút).

- Ba vùng động lực: (1) Vùng động lực trung tâm: hình thành từ chuỗi đô thị Đắk R'lấp - Gia Nghĩa - Quảng Khê, với hạt nhân trung tâm là đô thị Gia Nghĩa; (2) Vùng động lực phía Bắc: hình thành từ đô thị hạt nhân Ea T'ling (huyện Cư Jút) và đô thị Đắk Mâm (huyện Krông Nô) tạo thành cực tăng trưởng phía Bắc tỉnh Đắk Nông; (3) Vùng động lực phía Tây Bắc: hình thành từ chuỗi đô thị chạy dọc hành lang kinh tế biên giới Quốc lộ 14C, với hạt nhân trung tâm là đô thị Đắk Mil và 02 đô thị Đức An và đô thị Đắk Búk So.

- Ba hành lang kinh tế: (1) Đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) và trục cao tốc CT2 (Ngọc Hồi - Chơn Thành: Trục hành lang Bắc - Nam trung tâm); hành lang quan trọng nhất để Đắk Nông cũng như các tỉnh trong vùng Tây Nguyên phát triển, một cực phát triển trong khu vực Tam giác phát triển; (2) Trục hành lang Bắc - Nam phía Tây Đắk Nông là Quốc lộ 14C, hành lang an ninh kinh tế mậu biên; (3) Quốc lộ 28 - Trục hành lang kinh tế đô thị du lịch - thương mại - dịch vụ và công nghiệp: Trục phát triển theo Quốc lộ 28.

- Bốn nền tảng phát triển chính: (1) Nguồn lực và văn hóa con người Đắk Nông, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho những ngành quan trọng như công nghiệp bôxít và chế biến, chế tạo; nông nghiệp công nghệ cao; du lịch, dịch vụ logistics, công nghệ thông tin; (2) Đổi mới và hoàn thiện thể chế, tạo môi trường kinh doanh hiện đại và minh bạch; (3) Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, nhất là các trục cao tốc, các trục đường tỉnh và sân bay; (4) Chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, nhất là khởi nghiệp sáng tạo.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, Đắk Nông trở thành địa phương phát triển của vùng Tây Nguyên; xã hội văn minh, mức thu nhập bình quân của người dân cao hơn bình quân chung cả nước, gắn với mức sống và chất lượng sống cao của người dân

trên tất cả các mặt về kinh tế, xã hội, văn hóa, môi trường và cơ hội phát triển. Trở thành trung tâm về công nghiệp bôxít - nhôm và sau nhôm của quốc gia; nền nông nghiệp trù phú, ứng dụng công nghệ cao, mang lại giá trị cao với các loại cây trồng thế mạnh, đặc thù của vùng đất bazan; Trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái gắn liền với cảnh quan thiên nhiên, khí hậu ôn hòa, văn hóa đặc trưng của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; hệ thống đô thị hiện đại, thông minh gắn với không gian phát triển công nghệ, chuyển đổi số và hạ tầng đồng bộ. Phát triển, bảo vệ và khôi phục rừng bền vững; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, khoáng sản, nguồn nước, thích ứng tốt với biến đổi khí hậu. Phát huy đặc trưng văn hóa riêng có, tốt đẹp của con người Đắk Nông, cống hiến phấn đấu để xây dựng vùng đất Đắk Nông "TỈNH MẠNH – DÂN GIÀU – THIÊN NHIÊN TƯƠI ĐẸP – XÃ HỘI NGHĨA TÌNH".

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh

a) Ngành công nghiệp

Phát triển ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm, gắn với mục tiêu đảm bảo các điều kiện về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Tập trung phát triển các sản phẩm có tiềm năng lợi thế như công nghiệp sản xuất alumin - nhôm - sau nhôm và công nghiệp phụ trợ; sản xuất, chế biến nông lâm sản; năng lượng; khai thác khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất hóa chất, cao su và các ngành công nghiệp khác có tiềm năng.

Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu như sau:

- Công nghiệp sản xuất alumin - nhôm - sau nhôm: Đầu tư phát triển công nghiệp sản xuất alumin trên cơ sở khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên bôxít tiến tới hoàn thiện chuỗi giá trị bôxít - alumin - nhôm. Tăng cường thu hút đầu tư, xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp sản xuất nhôm và sản phẩm sau nhôm. Từng bước đưa tỉnh Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp nhôm quốc gia, trung tâm luyện kim màu lớn nhất nước.

- Công nghiệp sản xuất, chế biến nông lâm sản: Khuyến khích các nhà máy chế biến nông, lâm sản hiện có đổi mới trang thiết bị, dây chuyền công nghệ tiên tiến, hiện đại để vừa nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có, vừa tạo các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, đồng thời thu hút đầu tư phát triển các sản phẩm công nghiệp mới, trong đó tập trung vào các sản phẩm có lợi thế, gồm: cà phê, tiêu, điều, cao su, cây ăn quả, gỗ, lâm sản ngoài gỗ và các sản phẩm từ chăn nuôi như thịt gia súc, gia cầm, mật ong, sữa tươi, chế biến thức ăn gia súc…

- Công nghiệp năng lượng: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp năng lượng, trong đó: ưu tiên phát triển điện gió, điện mặt trời trên địa bàn tỉnh gắn với quy

hoạch phát triển điện quốc gia, sử dụng công nghệ hiện đại theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; đảm bảo 100% xã, thôn, buôn, bon có điện lưới quốc gia và trên 99% hộ gia đình được cấp điện an toàn.

- Công nghiệp khai thác khoáng sản: Duy trì công suất các dự án khai thác khoáng sản đã cấp phép trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích đầu tư, đổi mới công nghệ khai thác. Thu hút các dự án lớn, có quy mô và công nghệ tiên tiến để phát triển, nâng cao năng lực sản xuất của ngành. Đưa các dự án khai thác wonfram, kaolin vào khai thác. Xây dựng phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Tiếp tục duy trì và đảm bảo công suất hoạt động các dự án sản xuất hiện có. Thu hút 01 dự án đầu tư chế biến cát nhân tạo từ đá mi bụi. Thu hút các dự án để nâng công suất sản xuất các sản phẩm: Đá xây dựng, đá xẻ lên từ 50% so với hiện tại. Thu hút dự án sản xuất gạch viên để nâng công suất sản xuất lên từ 150-200 triệu viên/năm. Tiếp tục thu hút các dự án sản xuất cát nhân tạo từ đá mi bụi để đa dạng hóa sản phẩm vật liệu xây dựng và tận dụng nguồn tài nguyên đá xây dựng, đá xẻ trên địa bàn.

- Công nghiệp cơ khí: Phát triển các sản phẩm cơ khí gắn với nhu cầu sản xuất, chế biến nông lâm sản và các ngành công nghiệp khác trên địa bàn tỉnh, góp phần từng bước hiện đại hóa nền sản xuất. Phát triển các sản phẩm cơ khí đi vào chiều sâu, tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Công nghiệp sản xuất hóa chất và cao su: Thu hút thêm các dự án sản xuất phân bón vi sinh từ nguồn nguyên liệu than bùn. Duy trì hoạt động ổn định các dự án nhà máy sản xuất hóa chất cơ bản, sản xuất bao bì, chế biến các sản phẩm cao su, plastic. Khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao công suất hoạt động.

- Các ngành công nghiệp khác: công nghiệp cơ khí, điện tử, điện dân dụng; công nghiệp may mặc, gia công giày dép; công nghiệp hoá chất, sản xuất đồ nhựa dân dụng phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; công nghiệp sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;...

b) Ngành du lịch

Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế động lực của tỉnh, góp phần xóa đói, giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển du lịch bền vững, theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; đa dạng hóa sản phẩm du lịch trong đó, chú trọng phát triển du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, Vườn quốc gia Tà Đùng; phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp công nghệ cao và bảo tồn, phát huy các giá trị di sản và bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số tỉnh Đắk Nông. Đặc biệt phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông chính là "đòn bẩy" để

khôi phục, bảo tồn và khai thác các giá trị di sản phục vụ cho mục tiêu phát triển du lịch bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và xúc tiến quảng bá du lịch; tăng cường hợp tác liên kết phát triển du lịch quốc tế và nội địa, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, Đắk Nông trở thành điểm du lịch hấp dẫn của khu vực.

- Các loại hình du lịch: Đa dạng hóa sản phẩm du lịch để thu hút nhiều đối tượng khách du lịch, tạo ra các sản phẩm du lịch mới, đặc thù, độc đáo mang đậm bản sắc riêng của Đắk Nông. Các sản phẩm chủ yếu: Sản phẩm du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, Du lịch thể thao mạo hiểm, Du lịch dựa vào cộng đồng gắn với các mô hình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, Du lịch nghỉ dưỡng gắn với cảnh quan rừng, thác.

- Xúc tiến, quảng bá và phát triển du lịch: Ứng dụng công nghệ số và các công cụ của cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch. Thúc đẩy phát triển các hình thức quảng bá du lịch thông qua marketing số, các trang mạng xã hội.

- Dịch vụ lưu trú và ăn uống: Phát triển các cơ sở lưu trú dạng homestay, mang đậm bản sắc văn hóa địa phương để thu hút các du khách thích gần gũi thiên nhiên, khám phá văn hóa. Các cơ sở lưu trú này gắn với hình thức du lịch cộng đồng. Các cơ sở ăn uống cung ứng các món ăn đặc sản địa phương. Tập trung phát triển các cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn 3-5 sao nhằm phục vụ các du khách có nhu cầu về chất lượng dịch vụ cao, các khách đoàn do các công ty lữ hành tổ chức. Ngoài ứng dụng công nghệ số, các cơ sở lưu trú và ăn uống cần ứng dụng công nghệ xanh, công nghệ sạch nhằm góp phần bảo vệ môi trường và phát triển du lịch bền vững.

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và an ninh nguồn nước, hình thành các vùng chuyên canh tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số, phù hợp với yêu cầu của thị trường, tiềm năng và lợi thế của từng vùng sinh thái, từng địa phương theo chuỗi giá trị và bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Trong đó:

- Tập trung phát triển các cây công nghiệp chủ lực (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu), các cây tiềm năng (mắc ca, dược liệu), các cây ăn quả (sầu riêng, bơ, chanh dây, chôm chôm, mít,...), rau, hoa có giá trị kinh tế cao và chăn nuôi gia súc, gia cầm (bò thịt, bò sữa, heo, gà) theo phương thức nuôi công nghiệp, bảo đảm an toàn dịch bệnh, môi trường, gắn với cơ sở giết mổ tập trung và công nghiệp chế biến.

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng; bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn gắn với bảo đảm an ninh nguồn nước; trồng rừng tập trung và trồng cây phân tán; phát triển mô hình

nông - lâm kết hợp; nâng cao hiệu quả đất rừng và tỉ lệ che phủ rừng.

- Phát triển thủy sản có giá trị kinh tế cao ở các ao, hồ thủy lợi nhỏ và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện lớn trên lưu vực các sông theo hướng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao.

- Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Thương mại và dịch vụ

Phát triển ngành thương mại theo hướng bền vững, văn minh, hiện đại và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân; phát huy vai trò của thương mại trong việc định hướng và thúc đẩy sản xuất phát triển, tổ chức tiêu thụ tốt sản phẩm nông nghiệp; đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng phong phú, đa dạng của Nhân dân; Phát triển thị trường nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu; phát huy lợi thế phát triển thương mại biên giới với Campuchia thông qua các khu kinh tế cửa khẩu. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử vào hoạt động kinh doanh thương mại, theo kịp yêu cầu phát triển của thương mại trong nước và trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện thí điểm và từng bước phát triển kinh tế ban đêm. Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực.

b) Phát triển giáo dục và đào tạo

Phát triển giáo dục và đào tạo theo hướng thân thiện, hiện đại và tiến tới hội nhập quốc tế; đạt chuẩn về cơ sở trường, lớp, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phục vụ; nâng cao chất lượng dạy và học, trong đó chú trọng nâng cao giáo dục đạo đức, kỹ năng, năng lực sáng tạo và thực hành, ngoại ngữ và tin học, cũng như giáo dục truyền thống và ý thức chấp hành pháp luật; nhằm đào tạo các thế hệ học sinh thành đạt và xây dựng ngành giáo dục, đào tạo tỉnh Đắk Nông phát triển ngang tầm với các tỉnh ở vùng Tây Nguyên và cả nước, từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế; đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng, góp phần tăng năng suất lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Thực hiện chuyển một số trường mầm non, THCS, THPT từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên sang tự đảm bảo hoặc tự đảm bảo một phần chi thường xuyên ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi (Thành phố Gia Nghĩa; thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp; thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil; thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút).

c) Phát triển nguồn nhân lực

Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo yêu cầu về số lượng, chất lượng và cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề; Hình thành đội ngũ nhân lực có chất lượng theo chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh

tế - xã hội. Phát triển đội ngũ nhân lực khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao các công nghệ tiên tiến, hiện đại hóa công nghệ truyền thông; có nhiều công trình nghiên cứu giá trị trên các lĩnh vực khoa học và công nghệ; đưa khoa học và công nghệ thực sự trở thành động lực then chốt, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại. Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, nhân lực trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của tỉnh như: Công nghệ sinh học, nông nghiệp, công nghệ thông tin, y tế...

d) Y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở y tế hiện đại, đồng bộ đảm bảo mọi người dân đều được chăm sóc sức khỏe liên tục và toàn diện, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao sức khoẻ về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của người dân. Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập. Phát triển nền y học khoa học, dân tộc và đại chúng. Bảo đảm mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khoẻ. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế "Thầy thuốc phải như mẹ hiền", có năng lực chuyên môn vững vàng, tiếp cận trình độ khu vực và cả nước. Nâng cao năng lực cạnh tranh về cung ứng dịch vụ y tế.

đ) Thông tin và truyền thông

Phát triển dịch vụ bưu chính theo hướng đa dạng hóa, cung cấp tất cả các dịch vụ bưu chính đến các điểm phục vụ; tin học hóa tất cả các quy trình nghiệp vụ trong hoạt động cơ quan nhà nước; hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu có kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (LGSP); nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng; xây dựng ngành báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại; tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên Internet.

e) Khoa học và công nghệ

Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KHCN và ĐMST) là động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; là nền tảng để thực hiện tái cơ cấu và đổi mới mô hình tăng trưởng. Phát triển KHCN và ĐMST lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh đóng góp của Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh, thông qua việc: (i) chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế của tỉnh, (ii) đổi mới chính sách nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động và năng suất vốn.

g) An sinh xã hội

Triển khai thực hiện tốt các chính sách cho người lao động về an toàn, vệ

sinh lao động, đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Nâng cao chất lượng dịch vụ tư vấn việc làm, liên thông với thị trường của vùng, các tỉnh lân cận và cả nước. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ưu đãi, tín dụng để phát triển kinh tế hộ, nâng cao thu nhập cho người dân gắn với công tác giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới. Quan tâm xây dựng các chính sách đặc thù riêng của địa phương đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số để tạo cơ hội cho mọi người dân được thụ hưởng các phúc lợi xã hội, phát triển bình đẳng, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, trình độ phát triển giữa các dân tộc; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để giảm thiểu tối đa việc xảy ra điểm nóng, xung đột xã hội.

Ưu tiên đầu tư phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn; triển khai hiệu quả 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên bố trí nguồn lực và thực hiện đồng bộ các giải pháp bố trí ổn định dân di cư tự do.

h) An ninh, quốc phòng

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống; xây dựng KVPT tỉnh gắn với thế trận an ninh Nhân dân vững chắc bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, bảo vệ an toàn hệ thống cột mốc, cọc dấu, tâm cồn bãi; duy trì an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng mạng lưới cơ sở vật chất kỹ thuật quốc phòng, gắn kết mục tiêu quốc phòng với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng lực lượng công an Nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ công an xã chính quy, trấn áp tội phạm, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, tạo dựng môi trường sống an toàn, ổn định, tạo điều kiện phát triển kinh tế xã hội.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Vùng động lực phát triển

- Vùng động lực trung tâm hình thành từ chuỗi đô thị Đắk R'lấp - Gia Nghĩa - Quảng Khê, với hạt nhân trung tâm là đô thị Gia Nghĩa. Với đặc điểm và tiềm năng lợi thế của vùng trung tâm, với chức năng chính là đô thị dịch vụ, công nghiệp, du lịch và hướng tới đô thị thông minh sẽ hình thành cực tăng trưởng và đầu mối kinh tế kỹ thuật và dịch vụ trung tâm của tỉnh. Bên cạnh đó, vùng động lực trung tâm gắn kết các đô thị trung tâm chuyên ngành xung quanh như đô thị Quảng Tín (trung tâm huyện mới), Kiến Thành, Đắk Ru (đô thị công nghiệp), Đạo Nghĩa, đô thị Quảng Sơn (đô thị công nghiệp), kéo dài đến đô thị du lịch Tà Đùng.

- Vùng động lực phía Bắc hình thành từ đô thị hạt nhân Ea T'ling (huyện Cư Jút) và đô thị Đắk Mâm (huyện Krông Nô) tạo thành cực tăng trưởng phía Bắc tỉnh Đắk Nông gắn chặt với đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên là TP. Buôn

Ma Thuột (khoảng 20km). Đây là vùng động lực có chức năng đô thị dịch vụ, du lịch và công nghiệp gắn với quần thể hang động - núi lửa Krông Nô và các điểm du lịch dọc sông Sêrêpốk và sông Krông Nô, cùng với Khu công nghiệp (KCN) Tâm Thắng. Đồng thời, vùng động lực phía Bắc này tương tác mạnh với đô thị Đắk Mil, là hạt nhân trung tâm Vùng động lực phía Tây Bắc.

- Vùng động lực phía Tây Bắc hình thành từ chuỗi đô thị chạy dọc hành lang kinh tế biên giới Quốc lộ 14C, với hạt nhân trung tâm là đô thị Đắk Mil và 02 đô thị Đức An (huyện Đắk Song), đô thị Đắk Búk So (huyện Tuy Đức). Đặc trưng và tiềm năng lợi thế chính của Vùng động lực phía Tây Bắc là kinh tế mậu biên gắn với 02 cửa khẩu Đắk Peur và Bu Prăng, dự kiến hình thành các Khu kinh tế cửa khẩu trong giai đoạn sau năm 2030. Vùng động lực này là cực tăng trưởng và đầu mối kinh tế kỹ thuật và dịch vụ dọc biên giới phía Tây Bắc, kết nối các đô thị Đắk R'La (huyện Đắk Mil) và đô thị Nâm N'Jang (huyện Đắk Song), góp phần thúc đẩy khu vực xung quanh phát triển và cải thiện nâng cao đời sống.

b) Các trục hành lang phát triển

Các trục hành lang Bắc - Nam

- Đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) và trục cao tốc CT2 (Ngọc Hồi - Chơn Thành: Trục hành lang Bắc - Nam trung tâm). Đây là trục hành lang kinh tế kỹ thuật quốc gia, xuyên suốt trên "thềm phía Tây" đất nước. Đặc biệt, đoạn qua Tây Nguyên, trục hành lang Quốc lộ 14 đóng vai trò quyết định tới sự hình thành và phát triển gắn với các đô thị, các cơ sở động lực phát triển quan trọng nhất của Vùng như sân bay, ga đường sắt liên vùng... tạo thành trục hành lang quan trọng nhất để Đắk Nông phát huy vai trò trong vùng Tây Nguyên và khu vực Tam giác phát triển.

- Trục hành lang Bắc - Nam phía Tây Đắk Nông là Quốc lộ 14C, hành lang An ninh Kinh tế mậu biên: Có vị trí chạy giáp biên giới phía Tây của tỉnh. Là trục liên kết toàn bộ hệ thống đô thị, khu kinh tế cửa khẩu, vùng xuất nông - lâm nghiệp. Với chức năng bảo vệ an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội, kết nối liên vùng.

- Trục hành lang Bắc - Nam phía Đông Đắk Nông: Quốc lộ 28 kéo dài (từ Đô thị Gia Nghĩa đi qua các đô thị Quảng Sơn, Đắk Mâm): Hành lang đô thị công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch. Trục hành lang này sẽ thúc đẩy sự phát triển khu vực phía Đông của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi trong việc liên kết tới khu vực hang động núi lửa Krông Nô, tuyến du lịch dọc đường gắn các điểm du lịch nổi tiếng, cũng như kết nối KCN Quảng Sơn trong tương lai với trung tâm công nghiệp bôxít - alumin - luyện nhôm tại huyện Đắk R'lấp.

Các trục hành lang Đông - Tây

- Quốc lộ 28 - Trục hành lang kinh tế Đô thị du lịch - Thương mại - Dịch vụ và Công nghiệp: Trục phát triển theo Quốc lộ 28, tăng cường giao thương các

đô thị trong vùng và đặc biệt giữa tỉnh Đắk Nông với tỉnh Lâm Đồng và các tỉnh trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Là trục đường ngang nối Quốc lộ 1 tại TP. Phan Thiết - Bình Thuận, giao với Quốc lộ 20 ở thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và nối vào Quốc lộ 14 tại Gia Nghĩa - Đắk Nông. Đây là các trục đường có chức năng liên kết nội, ngoại vùng, thúc đẩy giao thương, phát triển đô thị, vùng sản xuất nông lâm nghiệp; Xây dựng kết nối tuyến Quốc lộ 28 vào hệ thống đường Xuyên Á, và quản lý phát triển đô thị, các KCN dọc tuyến đảm bảo hành lang an toàn giao thông.

- Các trục Đông - Tây khác liên kết hỗ trợ: các trục ngang N1 (Đường Đắk Lao - Ea T'ling), N2 (Đường Đắk Peur - Đắk Mâm - Buôn Choáh), N3 (Đường Đắk Song - Quảng Phú), N4 (Đường Đắk Búk So - Đắk R'măng - Quảng Khê), N7 (Đường Cai Chanh - Đắk Nia), N8 (Đường Đắk Som - Quảng Phú)... tạo thành trục hành lang Đông Tây tạo ra cơ hội liên kết, phát triển du lịch, khai thác hành lang sinh thái góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nội vùng.

c) Các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Các khu vực khó khăn (khu vực I và khu vực II) kết nối thuận lợi với 03 vùng động lực chính của tỉnh và trung tâm đô thị, dịch vụ của 4 tiểu vùng liên huyện, thực hiện các quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch nông thôn, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng (điện, năng lượng tái tạo), hạ tầng thương mại dịch vụ (chợ), cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo, y tế theo lộ trình hợp lý, đưa các khu vực này trở thành các trung tâm tiểu vùng, hỗ trợ phát triển cho cả khu vực. Quy hoạch và xây dựng mới các khu đô thị, điểm dân cư mới tạo sức hút đầu tư tư nhân phát triển kinh tế.

- Các khu vực đặc biệt khó khăn (khu vực III và vùng Dân tộc thiểu số và miền núi) kết nối thuận lợi với 03 vùng động lực chính của tỉnh và các trung tâm đô thị khác. Đồng thời, các trung tâm cụm xã và trung tâm xã là các vùng kinh tế góp phần thúc đẩy và từng bước cải thiện kinh tế cho người dân trong các khu vực này. Định hướng phát triển nông nghiệp gắn với du lịch là hướng phát triển chính.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển đô thị

Đến năm 2030, tỉnh có 11 đô thị, bao gồm đô thị Gia Nghĩa và 10 đô thị khác. Thời kỳ này chủ yếu trong giai đoạn đầu hình thành các đô thị mới và nâng cấp các đô thị cũ theo định hướng của tỉnh.

- Các đô thị đóng vai trò vị thế quan trọng trong tỉnh, trong vùng cũng như có ý nghĩa trong hệ thống đô thị toàn quốc: bao gồm 04 đô thị: Đô thị Gia Nghĩa là đô thị loại II, đô thị Đắk Mil là đô thị loại III, đô thị Đắk R'lấp (gồm 06 đô thị loại V: đô thị Kiến Đức, Đạo Nghĩa, Đắk Ru và 03 đô thị mới Kiến Thành, Quảng Tín và Nghĩa Thắng) nâng cấp lên thị xã Đắk R'lấp và đô thị Ea

T'ling (huyện Cư Jút) nâng cấp lên thị xã Cư Jút và từng bước xây dựng các tiêu chí để đạt đô thị loại III.

- Các đô thị cấp huyện: gồm 04 đô thị trung tâm hành chính Huyện: Đắk Mâm (huyện Krông Nô) và Đức An (huyện Đắk Song) là đô thị loại IV và Quảng Khê (huyện Đắk Glong), Đắk Búk So (huyện Tuy Đức) nâng cấp đạt đô thị loại IV.

- Đô thị chuyên ngành: (03 đô thị loại V) gắn với các khu vực trọng điểm công nghiệp, thương mại dịch vụ, khai thác khoáng sản, vùng chăn nuôi, vùng chuyên canh cây nguyên liệu bao gồm: đô thị Nam Dong, đô thị Đắk R'La và đô thị Quảng Sơn.

- Các đô thị mới: từng bước triển khai đầu tư để hình thành các đô thị mới phát triển từ các trung tâm cụm xã và đạt đô thị loại V sau năm 2030: Đô thị Quảng Phú, đô thị Nâm N'Jang và khu đô thị du lịch Tà Đùng.

2. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Định hướng phát triển dân cư nông thôn toàn diện và đồng bộ, ngoài việc kết nối với các vùng động lực phát triển của tỉnh gồm 17 đô thị (từ loại V đến loại II), cần phát triển đồng thời hệ thống các trung tâm cụm xã, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và tăng nhanh tốc độ đô thị hóa. Vùng động lực trung tâm của tỉnh gồm TP. Gia Nghĩa và huyện Đắk R'lấp gần như được đô thị hóa nên các trung tâm đô thị này sẽ làm nhiệm vụ trung tâm cụm xã trong giai đoạn đầu và phát triển thành đô thị loại V cho giai đoạn tiếp theo phù hợp với định hướng.

Đến năm 2030, số xã đạt chuẩn nông thôn mới có ít nhất 54 xã (tương đương 90%), trong đó có ít nhất 30 xã (tương đương 50%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 5/8 huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới, là một trong những địa phương có nền nông nghiệp hàng đầu khu vực Tây Nguyên gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo hướng hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn bền vững gắn với ngành công nghiệp chế biến nông sản hiệu quả, thân thiện với môi trường. Khu vực nông thôn trở thành "nơi đáng sống", văn minh, xanh, sạch, đẹp với điều kiện sống, thu nhập dân cư nông thôn tiệm cận và kết nối chặt chẽ, hài hoà với đô thị.

3. Phương án tổ chức không gian phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

a) Khu công nghiệp

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là các công trình xử lý môi trường, đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp hiện có trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

+ Lấp đầy KCN Tâm Thắng, với quy mô trên 179 ha và chức năng chính là thu hút các ngành công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất thức ăn gia súc; chế biến gỗ; sản xuất vật liệu xây dựng; sản xuất phân bón; dệt may (không có

nhuộm); sản xuất sản phẩm nhựa và đồ gia dụng; cơ khí, lắp ráp ôtô; sản xuất cồn công nghiệp; và các ngành nghề có lợi thế khác.

+ Lấp đầy KCN Nhân Cơ, vối quy mô 148 ha và chức năng chính là thu hút đầu tư các ngành công nghiệp hỗ trợ khai thác bôxít, luyện alumin, điện phân nhôm và sản xuất các sản phẩm từ nhôm.

- Hoàn thành việc giải phóng mặt bằng và xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng tại KCN Nhân Cơ 2 để đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2026 - 2030, với quy mô 400 ha và chức năng chính là thu hút đầu tư các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ chế tạo các sản phẩm nhôm và các ngành cơ khí, chế tạo, lắp ráp ô tô, xe máy.

b) Cụm công nghiệp

Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2025

Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề còn tồn tại và hoàn thiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp hiện có, đẩy mạnh việc kêu gọi, thu hút các dự án sản xuất công nghiệp vào các cụm công nghiệp. Phấn đấu đến năm 2025: 100% cụm công nghiệp đang hoạt động được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và được quản lý hoạt động theo đúng quy định.

Đối với cụm công nghiệp Thuận An: Bố trí vốn đầu tư, giải phóng mặt bằng và triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn II; Đối với cụm công nghiệp BMC: Xử lý vấn đề còn vướng mắc, kêu gọi đầu tư, phấn đấu đạt tỷ lệ lấp đầy toàn cụm từ 30% trở lên; Đối với cụm công nghiệp Quảng Tâm: Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, thu hút nhà đầu tư. Đối với cụm công nghiệp Krông Nô: Xử lý vấn đề còn vướng mắc, kêu gọi đầu tư.

Tiến hành thành lập các cụm công nghiệp Đắk Song, Đắk R'lấp, Trúc Sơn và tiến hành đầu tư hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 1.

Quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030

Tiếp tục đẩy nhanh quá trình hoàn thiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp. Lên kế hoạch đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia vào các cụm công nghiệp đã được phê duyệt. Phấn đấu 100% các cụm công nghiệp có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Phấn đấu đạt chỉ tiêu lấp đầy: Cụm công nghiệp Thuận An: 100%; Các cụm công nghiệp BMC, Quảng Tâm, Krông Nô: 60-70%. Các cụm công nghiệp thành lập trong giai đoạn 2021-2025: đạt tỉ lệ lấp đầy 60-70% cho giai đoạn 1. Thành lập các CCN Nam Dong, Gia Nghĩa, Đắk R'la, Quảng Khê giai đoạn 1.

4. Phương án tổ chức không gian phát triển nông, lâm nghiệp

a) Nông nghiệp: Đến năm 2030, toàn tỉnh bố trí 02 khu vực sản xuất tập trung lớn với diện tích khoảng 235.000 - 236.000 ha.

- Khu vực phía Bắc 83.000 - 84.000 ha gồm 3 huyện Cư Jút, Krông Nô,

Đắk Mil với diện tích cây công nghiệp lâu năm khoảng 78.000 ha; trong đó cà phê, cao su tập trung ở huyện Đắk Mil, phía Tây huyện Krông Nô; tiêu ở huyện Cư Jút, mía và cây cà phê rải rác ở huyện Cư Jút, huyện Krông Nô. Diện tích đất chuyên trồng lúa nước 3.100 - 4.000 chủ yếu tập trung ở huyện Cư Jút, ven sông huyện Krông Nô.

- Khu vực phía Nam 152.000 - 153.000 ha, gồm thành phố Gia Nghĩa và các huyện Đắk Song, Tuy Đức, Đắk Glong, Đắk R'lấp với phần lớn cây công nghiệp lâu năm; trong đó cây tiêu tập trung ở các huyện Đắk Song, Đắk Glong, thành phố Gia Nghĩa, cây cà phê, mắc ca, điều, tiêu, cao su ở các huyện Đắk R'lấp, Tuy Đức. Đất chuyên trồng lúa nước khoảng 1.000 ha, tập trung ở nhiều ở huyện Tuy Đức và Đắk Glong.

Bên cạnh khu sản xuất nông nghiệp (trồng trọt), bố trí các khu chăn nuôi tập trung ở các huyện Tuy Đức, Đắk Song, Đắk Glong và Krông Nô, cụ thể:

- Chăn nuôi bò: Quy mô đến năm 2030 khoảng 2.000 ha, xây dựng 04 vùng và sau năm 2030 khoảng 2.300 ha, xây dựng 05 vùng nuôi bò thịt, bò sinh sản ứng dụng công nghệ cao;

- Chăn nuôi heo: Quy mô đến năm 2030 khoảng 180 ha, xây dựng được 02 vùng và sau năm 2030 khoảng 230 ha, xây dựng 03 vùng nuôi heo ứng dụng công nghệ cao;

- Chăn nuôi gia cầm: Quy mô đến năm 2030 khoảng 60 ha, xây dựng 01 vùng nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao.

b) Các khu sản xuất lâm nghiệp

Đẩy mạnh phát triển kinh tế lâm nghiệp, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, phát triển cây đa mục tiêu, phát triển rừng theo quy hoạch được duyệt. Đến năm 2030, bố trí 5 khu vực khu lâm nghiệp có diện tích khoảng 292.000-293.000 ha:

- Khu vực phía Bắc: diện tích khoảng 58.000 ha liền vùng kéo dài từ phía Tây huyện Cư Jút, phía Bắc huyện Đắk Mil giáp với biên giới Campuchia (Suối Đắk Dam). Bao gồm rừng đặc dụng 2.979 ha; rừng phòng hộ vành đai biên giới 3.804 ha, rừng sản xuất 53.560 ha.

- Khu vực Trung tâm: nằm về phía Đông huyện Đắk Song thuộc vùng núi Nam Nung với Bảo tồn thiên nhiên Nam Nung là trung tâm, diện tích tập trung thuộc 02 huyện Krông Nô và huyện Đắk Song diện tích khoảng 57.000 ha có 02 khu rừng đặc dụng Nam Nung và Thắng cảnh Đray Sap.

- Khu vực Phía Đông thuộc huyện Đắk Glong, diện tích khoảng 100.000 ha, có Vườn quốc gia Tà Đùng với khoảng 21.500 ha (núi Tà Đùng cao 1.982m) giáp tỉnh Lâm Đồng.

- Khu vực phía Nam giáp sông Đồng Nai, diện tích khoảng 18.000 ha, chủ yếu là rừng phòng hộ phân bổ dọc sông Đồng Nai, vùng đệm Vườn quốc gia

Nam Cát Tiên.

- Khu vực phía Tây Bắc giáp Campuchia và tỉnh Bình Phước thuộc huyện Tuy Đức diện tích khoảng 61.000 ha trong đó rừng phong hộ biên giới Campuchia 11.300 ha và rừng sản xuất 49.700 ha.

5. Phương án tổ chức không gian phát triển du lịch

- Trục không gian du lịch trên hành lang Quốc lộ 14 - đường Hồ Chí Minh: là trục không gian chủ đạo từ trung tâm du lịch tỉnh là thành phố Gia Nghĩa, phát triển theo 2 hướng: Phía Bắc nối với thành phố Buôn Ma Thuột qua huyện Đắk Mil, huyện Cư Jút xuống các tỉnh duyên hải ven biển Nam Trung Bộ và phía Nam xuống tỉnh Bình Phước, qua thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp kết nối với TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ. Trục không gian du lịch hành lang Quốc lộ 14 đồng thời là trục không gian kết nối với các tuyến du lịch quốc gia, tuyến du lịch vùng và du lịch liên tỉnh.

- Trục không gian du lịch phía Nam từ thành phố Gia Nghĩa theo Quốc lộ 28 đến Di Linh, tỉnh Lâm Đồng kết nối TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam: theo tuyến đường này không gian du lịch Đắk Nông từ Công viên vui chơi giải trí Liêng Nung, thành phố Gia Nghĩa mở rộng đến Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng, huyện Đắk Glong.

- Trục không gian du lịch Đông - Tây: phát triển theo hành lang các tuyến Tỉnh lộ 1, Tỉnh lộ 6 và đoạn cuối Quốc lộ 14C là trục không gian du lịch có thể khai thác nhiều loại hình du lịch: văn hóa lịch sử; sinh thái; du lịch biên giới và kết nối với tuyến du lịch quốc tế thông qua cửa khẩu Bu Prăng hoặc cửa khẩu Đắk Peur. Ngoài các điểm du lịch hiện có như Bon Pu Prâng (Đắk Song), Khu du lịch sinh thái - văn hóa - lịch sử Nâm Nung, Khu du lịch sinh thái thác Đắk G'lun... trong tương lai 02 cửa khẩu được nâng cấp thành Cửa khẩu quốc tế và Chợ biên giới thì không gian du lịch được mở rộng về phía Tây kết nối với tỉnh Mondulkiri/Vương quốc Campuchia.

- Trục không gian du lịch phát triển theo 3 tuyến du lịch gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông: Tuyến Trường ca của lửa và nước dọc theo đường Quốc lộ 28 các huyện Đắk Glong - Krông Nô; tuyến Bản giao hưởng của sự đổi thay dọc theo trục Quốc lộ 14 các huyện Cư Jút - Đắk Mil - Đắk Song; tuyến Âm thanh từ trái đất dọc theo trục Quốc lộ 28 các điểm của thành phố Gia Nghĩa - huyện Đắk Glong.

6. Phương án tổ chức không gian phát triển thương mại, dịch vụ

a) Kênh buôn bán mang tính chất đầu mối - trung chuyển - phát luồng

- Chợ đầu mối: Trong thời kỳ quy hoạch xây dựng mới 03 chợ đầu mối.

- Quy hoạch phát triển chợ bán lẻ truyền thống: Xây dựng mới 28 chợ, phân bố ở các phường, xã đảm bảo mỗi phường, xã có 01 chợ phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Xây dựng 01 chợ cửa khẩu Đắk Peur.

b) Kênh bán buôn, bán lẻ hiện đại

- Trung tâm thương mại: Xây dựng 2 trung tâm thương mại ở Thành phố Gia Nghĩa và Huyện Đắk Glong.

- Khu Thương mại dịch vụ: Xây dựng 02 Khu thương mại dịch vụ tại Huyện Đắk Mil và Huyện Krông Nô.

- Siêu thị: Xây dựng mới 11 siêu thị độc lập tại các địa điểm sau: Huyện Cư Jút, Huyện Đắk Mil, Huyện Đắk R'lấp, Trung tâm xã Nhân Cơ, Huyện Đắk Song, Huyện Đắk Glong, Huyện Tuy Đức, Huyện Krông Nô, Cửa khẩu Đắk Peur, Cửa khẩu Bu Prăng, Thành phố Gia Nghĩa.

c) Kho bãi tập kết hàng hóa và phương tiện: Xây dựng cụm kho ngoại quan tại khu kinh tế cửa khẩu Đắk Peur và cửa khẩu Bu Prăng.

d) Trung tâm logistics: Xây dựng 01 Trung tâm logistics cấp tỉnh tại xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp với quy mô khoảng 20 ha; 01 Trung tâm logistics cấp tỉnh trên địa bàn huyện Đắk Mil với quy mô khoảng 20 ha.

đ) Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh: Xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh tại thành phố Gia Nghĩa.

7. Phương án tổ chức không gian đảm bảo quốc phòng, an ninh

Tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân; giữ vững ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống; xây dựng nền tảng chính trị vững chắc trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, xây dựng thế trận an ninh Nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh. Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế gắn kết với cơ sở hạ tầng của nền quốc phòng, an ninh. Về sử dụng đất, các công trình khác không được chồng lấn với các căn cứ quân sự quan trọng.

Đến năm 2030, đất các khu quân sự, an ninh có quy mô 7.000 - 8.000 ha, trong đó khu quân sự 6.000 - 6.500 ha; khu an ninh khoảng 1.000 - 1.500 ha; khu quân sự, an ninh phân bố nhiều ở các huyện Đắk Glong, Krông Nô, Tuy Đức, Đắk Mil.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia

- Các tuyến cao tốc, Quốc lộ (trục dọc), đường sắt, cảng hàng không, sân bay: Thực hiện theo các quy hoạch quốc gia. Về hàng không có 02 sân bay: Sân bay Quảng Khê là sân bay tiềm năng, bổ sung quy hoạch quốc gia khi có điều kiện); Sân bay Nhân Cơ quy hoạch là sân bay chuyên dùng.

b) Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

- Đường bộ: Hệ thống Tỉnh lộ quy hoạch gồm 09 tuyến (gồm: 08 Trục ngang đi trùng với 05 tuyến Tỉnh lộ hiện hữu đồng thời có điều chỉnh cục bộ một số đoạn tuyến, bổ sung kéo dài để đảm bảo tính kết nối; 01 tuyến giữ nguyên là Tỉnh lộ 2); Hệ thống đường tránh, đường vành đai qua một số đô thị trung tâm của tỉnh gồm 03 tuyến; Định hướng quy hoạch các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn, buôn (việc triển khai chi tiết thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện).

- Bến xe: Duy trì tốt hoạt động của các bến xe hiện có; tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng mới các bến xe đạt tiêu chuẩn tối thiểu loại VI tại xã Nam Dong, huyện Cư Jút; xã Quảng Phú, huyện Krông Nô; xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp.

Nâng cấp bến xe khách liên tỉnh hiện có đạt tiêu chuẩn loại II; xây dựng bến xe liên tỉnh phía bắc thành phố Gia Nghĩa đạt tiêu chuẩn loại II; nâng cấp bến xe các huyện đảm bảo mỗi huyện có 01 bến xe loại III trở lên; xây dựng một số bến xe nội tỉnh tại các địa bàn có cửa khẩu, khu du lịch, khu cụm công nghiệp.

- Trạm dừng nghỉ, bãi đỗ xe: Xây dựng bãi đỗ xe đảm bảo các đô thị đều có bãi đỗ xe; xây dựng 02 bãi đỗ xe phức hợp tại khu vực cửa khẩu Đắk Peur và Bu P'răng. Xây dựng ít nhất 01 trạm dừng nghỉ trên đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14), đường cao tốc; 01 trạm dừng nghỉ trên mỗi tuyến Quốc lộ 28, Quốc lộ 14C.

- Trung tâm logistics: Xây dựng 01 Trung tâm logistics cấp tỉnh tại xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp với quy mô khoảng 20 ha; 01 Trung tâm logistics cấp tỉnh trên địa bàn huyện Đắk Mil với quy mô khoảng 20 ha.

2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vùng đô thị hóa; dần xóa bỏ các trạm biến áp trung gian, thay thế bằng các trạm 110kV hoặc các xuất tuyến trung áp mới; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có; đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định cho các vùng sâu, vùng xa.

3. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

Phát triển nâng cao chất lượng mạng di động băng rộng 4G, mạng lưới di động băng rộng thế hệ thứ 5 (5G) đáp ứng nhu cầu sử dụng hạ tầng của nền công nghiệp công nghệ cao; số hóa việc cung cấp dịch vụ bưu chính truyền thống trên cơ sở nền tảng mã định danh xác thực điện tử của người dân (PostID); hoàn thành mạng truyền số liệu chuyên dùng từ tỉnh đến xã, xây dựng trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung và các hệ thống cơ sở dữ liệu quan trọng của tỉnh, tạo nền tảng

cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia. Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi, lắp đặt các điểm truy cập wifi; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

4. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, logistics

a) Chợ, trung tâm thương mai và siêu thị: Đến năm 2030, đầu tư, nâng cấp 31 chợ, 02 trung tâm thương mại, 11 siêu thị, 02 khu thương mại dịch vụ, 02 kho cửa khẩu, 02 trung tâm logistic (tại khu vực huyện Đắk R'lấp và huyện Đắk Mil), 01 trung tâm hội chợ triển lãm.

Phát triển các trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị hiện đại tại các đô thị, trung tâm các xã theo quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan.

b) Kho chứa xăng dầu và khí đốt: Phát triển cửa hàng và kho trữ dung tích đáp ứng tiêu chuẩn theo loại (cấp 1,2,3) để đáp ứng nhu cầu xăng dầu cho phát triển kinh tế - xã hội, khả năng phát triển và kết nối giao thông đến các huyện. Quy hoạch 1 kho sức chứa từ: 3.000 - 5.000 m^3 xăng dầu.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Nâng cấp thêm 51 công trình. Nâng diện tích tưới của các công trình hiện trạng tăng thêm 1.147 ha (lúa tăng 381 ha; hoa màu tăng 436 ha; cà phê tăng 330 ha). Xây dựng mới thêm 56 công trình tưới được cho 15.617 ha (lúa 1.395 ha; hoa màu 3.097 ha, cà phê 11.125 ha).

- Đến năm 2030, có tổng số 340 công trình thủy lợi các loại (nâng cấp 51 công trình trong 284 công trình hiện trạng, xây mới 56 công trình). Tổng diện tích cấp nước tưới đến năm 2030 là 76.677 ha (lúa 9.639 ha; màu 10.666 ha; cà phê và tiêu 56.372 ha). Như vậy tỷ lệ được cấp nước tưới của tỉnh ở thời điểm này từ các công trình thủy lợi chính và công trình thủy lợi nhỏ và thủy lợi nội đồng đạt khoảng 40%. Cùng với diện tích được tưới từ các công trình thuỷ điện, ao, hồ nhỏ, sông suối và nguồn nước ngầm với diện tích khoảng 95.000 ha. Đưa diện tích được tưới đến giai đoạn này đạt khoảng 90% so với diện tích có nhu cầu tưới.

6. Phương án phát triển hệ thống cấp nước

a) Phương án phát triển cấp nước đô thị

- Thành phố Gia Nghĩa: Khai thác nước mặt từ hồ thủy điện Đắk R'Tih, công suất thiết kế 12.000 m^3/ngđ. Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Gia Nghĩa bao gồm 4 khu xử lý.

- Đô thị Kiến Đức, đô thị Kiến Thành, đô thị Quảng Tín, đô thị Quảng Tín, đô thị Nghĩa Thắng, đô thị Đắk Ru, đô thị Đạo Nghĩa - huyện Đắk R'lấp: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Kiến Đức hiện đang khai thác nguồn nước mặt hồ Đắk P'lao với công suất yêu cầu 7.000 m^3/ng.đ.

- Đô thị Quảng Khê, huyện Đắk Glong: Cải tạo trạm cấp nước trung tâm Huyện Đắk Glong khai thác nguồn nước mặt hồ thôn 2 với công suất yêu cầu 3.100 m^3/ng.đ. Đô thị Quảng Sơn, huyện Đắk Glong: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Quảng Sơn khai thác từ nguồn nước mặt từ hồ Công trình thủy lợi thủy điện với công suất yêu cầu 1.000 m^3/ng.đ.

- Đô thị Ea T'ling: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước thị trấn Ea T'ling khai thác nước mặt sông Sêrêpôk với công suất yêu cầu 4.600 m^3/ng.đ. Đô thị Nam Dong, huyện Cư Jút: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Nam Dong từ các giếng khoan với công suất yêu cầu 1.000 m^3/ng.đ.

- Đô thị Đắk Mâm, huyện Krông Nô: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Đắk Mâm khai thác nước hồ Đắk Rồ, công suất yêu cầu 2.800 m^3/ngđ.

- Đô thị Đắk Mil: Xây dựng hệ thống cấp nước đô thị Đắk Mil khai thác nước hồ Tây và hồ Đắk Sắk, công suất yêu cầu 6.200 m^3/ngđ. Đô thị Đắk R'La, huyện Đắk Mil: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Đắk R'La khai thác nguồn nước mặt hồ Đô Ri 2 với công suất yêu cầu 600 m3/ng.đ.

- Đô thị Đắk Búk So, huyện Tuy Đức: Xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Đắk Búk So khai thác nguồn nước mặt hồ Đắk Búk So với công suất yêu cầu 3.400 m^3/ng.đ.

- Đô thị Đức An, huyện Đắk Song: xây dựng nâng cấp hệ thống cấp nước thị trấn Đức An, khai thác nguồn nước mặt hồ Đắk R'long, công suất yêu cầu 2.800 m3/ng.đ. Đô thị Nâm N'Jang, huyện Đắk Song: Trước mắt, sử dụng hệ thống cấp nước đã được đầu tư xây dựng, khai thác từ hồ Thủy điện Đắk Rung; về lâu dài nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị Nam N'Jang khai thác nguồn nước mặt hồ Thủy điện Đắk Rung với công suất yêu cầu 1.800 m3/ng.đ.

b) Phương án phát triển cấp nước nông thôn

Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt sông, suối, hồ đập thủy lợi. Kết hợp khai thác nguồn nước ngầm vào mùa khô. Hệ thống cấp nước tập trung: áp dụng cho các điểm dân cư tập trung, các trung tâm xã. Khắc phục sửa chữa các công trình cấp nước nông thôn đang ngừng hoạt động do không vận hành đúng quy trình kỹ thuật và đồng thời đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước tập trung cho các điểm dân cư nông thôn.

c) Phương án thoát nước

- Cao độ nền: Cao độ thiết kế phù hợp với cao độ tự nhiên, chủ yếu san gạt cục bộ tạo mặt bằng trong ô đất, hạn chế khối lượng đào đắp. Các khu vực dân cư trong đô thị, công trình hiện có và dự án đã xây dựng thì giữ nguyên cao độ, chỉ cải tạo hệ thống thoát nước. Các khu dân cư cũ có nền thấp, dần dần cải tạo tôn nền; các khu dân cư hiện có, các khu vực dân cư, công trình xây dựng mới thiết kế đảm bảo cao độ thấp nhất lớn hơn cao độ ngập lụt của các tuyến sông suối lân cận. Với các khu dân cư, công trình hiện có nằm trong khu vực

ngập lụt, có nền thấp dần dần cải tạo nền tối thiểu cao hơn 0,3 - 0,5m so với mực nước lũ cấp III của các tuyến sông hoặc mực nước cao nhất của các sông nhánh, suối theo tần suất mưa P = 5-10%.

- Mạng lưới thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa phải đảm bảo tiêu thoát nước mưa trên toàn lưu vực trong đô thị. Mạng lưới kết cấu của hệ thống thoát nước mưa phải được nghiên cứu phù hợp với địa hình và quy hoạch san đắp nền. Cao trình xả nước tại các cửa xả phù hợp với mực nước trung bình tại các vị trí cửa xả (chọn bằng cao trình ngập ở tần suất p = 3-5).

- Mạng lưới thoát nước thải: Đối với khu vực đô thị dân cư hiện có, tận dụng hệ thống cống chung, xây dựng hệ thống nửa riêng, thu gom nước thải sẽ là cống chung kết hợp cống bao. Đối với khu vực quy hoạch đô thị mới, khu, cụm công nghiệp phát triển hệ thống cống riêng. Các khu chức năng khác, cơ sở sản xuất, điểm tập trung dân cư... tùy theo thực tế sẽ áp dụng mạng lưới riêng hoặc nửa riêng và mô hình xử lý tập trung hoặc phân tán.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

a) Phương án phát triển khu xử lý nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt: thu gom xử lý đạt chuẩn 80% tổng lượng nước thải phát sinh trên toàn tỉnh. Đối với nước thải bệnh viện: 100% nước thải bệnh viện tuyến huyện trở lên được thu gom xử lý đạt tiêu chuẩn thải ra môi trường tùy theo mục đích sử dụng nước. Đối với nước thải công nghiệp: 100% các cơ sở sản xuất, các KCN, CCN, đã và đang hoạt động xử lý đạt chuẩn thải ra môi trường tùy theo mục đích sử dụng nước của môi đoạn sông. Đối với các cơ sở, KCN, CCN xây mới kiểm soát 100% yêu cầu xử lý đạt chuẩn thải ra môi trường.

b) Phương án phát triển khu xử lý chất thải rắn (CTR) công nghiệp

Các cơ sở công nghiệp cần phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu, tái sử dụng, trao đổi hoặc bán lại CTR có thể tái chế cho các cơ sở khác sử dụng để giảm giá thành sản phẩm. Phần CTR không sử dụng được, sẽ vận chuyển đến bãi chôn lấp cùng với CTR sinh hoạt. Đối với các loại chất thải nguy hại, phải được thu gom xử lý riêng tại khu xử lý từ huyện, thị xã, thành phố. Giai đoạn đến năm 2030: 90% CTR công nghiệp thông thường, công nghiệp nguy hại được thu gom về các khu liên hợp xử lý cấp vùng.

c) Phương án phát triển khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn đô thị: Từng bước xây dựng các khu xử lý CTR có ô chôn lấp hợp vệ sinh kết hợp lò đốt rác. 95% CTR thành phố, 80% CTR thị xã và thị trấn được thu gom và xử lý.

- Chất thải rắn nông thôn: tập trung thu gom, vận chuyển CTR tới những điểm xử lý CTR đã được quy hoạch trên địa bàn từng huyện. Tỉ lệ thu gom và xử lý đạt 70%.

d) Phương án phát triển khu xử lý chất thải y tế

Xây dựng các lò đốt rác riêng đối với các chất thải không độc hại, đối với chất thải độc hại được thu gom và xử lý riêng tại các khu liên hợp xử lý.

8. Phương án phát triển hạ tầng xã hội

a) Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu của tỉnh đạt tiêu chí quy định, đáp ứng yêu cầu về hoạt động chuyên môn, phù hợp với sự phát triển chung; phát triển kết cấu hạ tầng xã hội ở khu vực đô thị và khu vực nông thôn. Các thiết chế văn hóa, thể thao, khu vui chơi giải trí được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn xã hội hóa, Nhà nước đáp ứng nhu cầu sử dụng đất theo quy định. Đến năm 2030, các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh đảm bảo về quy mô, chất lượng phục vụ các sự kiện văn hóa, thể thao lớn của tỉnh và sự kiện, giải đấu quy mô quốc gia.

b) Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

- Cấp mầm non: đến năm 2025, toàn tỉnh có 137 trường và đến năm 2030, toàn tỉnh có 158 trường. Cấp tiểu học: đến năm 2025, toàn tỉnh có 136 trường và đến năm 2030, toàn tỉnh có 143 trường. Cấp Trung học cơ sở: đến năm 2025, toàn tỉnh có 82 trường và đến năm 2030, toàn tỉnh có 90 trường. Cấp Trung học phổ thông: đến năm 2025 toàn tỉnh có 34 trường và đến năm 2030, toàn tỉnh có 39 trường. Số trường đạt chuẩn quốc gia: đến năm 2025 có 207 trường đạt chuẩn quốc gia chiếm 61,42%; đến năm 2030 có 257 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 72,22%. Khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục tư thục, dân lập phù hợp với tình hình phát triển của từng địa phương, từng vùng.

- Giáo dục nghề nghiệp: Xây dựng cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp thành lập trường nghề, trung tâm dạy nghề; chỉ thành lập mới các trường cao đẳng, trung cấp công lập trên cơ sở nâng cấp, sáp nhập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có.

c) Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Bệnh viện tuyến tỉnh: củng cố, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh để có đủ khả năng đảm đương nhiệm vụ của những đơn vị chuyên môn, kỹ thuật y tế đầu ngành của tỉnh. Đến năm 2025, nâng hạng Bệnh viện đa khoa tỉnh lên bệnh viện hạng I đạt chuẩn quy định của Bộ Y tế với quy mô 700 giường bệnh.

- Đối với hệ điều trị của Trung tâm Y tế tuyến huyện: năm 2021 có 100% số TTYT tuyến huyện đạt hạng III theo quy định chuẩn của Bộ Y tế. Phát triển 2/7 TTYT tuyến huyện đạt hạng II đến năm 2025. Đến năm 2030 phát triển thêm 02 TTYT đạt hạng II, đến năm 2050 toàn bộ 7/7 các TTYT huyện đạt hạng II.

- Mạng lưới các Trạm y tế xã: Đối với các xã có dân cư đông hoặc địa bàn xã rộng: đối với những xã có số dân phục vụ >10.000 người hoặc khoảng cách từ điểm xa nhất đến Trạm y tế xã (bao gồm cả Trạm y tế quân dân y) mất hơn 30

phút đi bộ thì thành lập phân trạm và được bổ sung thêm nhân lực y tế để tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của người dân. Khuyến khích phát triển y tế tư nhân.

- Giường bệnh: Tăng số giường bệnh toàn tỉnh từ 1.644 giường bệnh năm 2020 lên 2.155 giường bệnh năm 2025 và 2.650 giường bệnh năm 2030. Tỷ lệ giường bệnh/10.000 dân (không tính giường bệnh TYT xã) từ 20,38 giường bệnh năm 2020 lên 21 giường bệnh năm 2025 và 32 giường bệnh vào năm 2030.

d) Phương án phát triển cơ sở bảo trợ xã hội

Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

1. Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất

Đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp: 587.723 ha, đất phi nông nghiệp: 62.782 ha, đất chưa sử dụng còn lại 422 ha (đất núi đá khó khai thác đưa vào sử dụng).

2. Phương án thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đất chưa sử dụng vào sử dụng thời kỳ 2021-2030

a) Diện tích các loại đất cần thu hồi

Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án phi nông nghiệp thời kỳ 2021-2030 khoảng 12.261 ha. Diện tích đất nông nghiệp cần thu hồi phân theo đơn vị hành chính cấp huyện như sau: thành phố Gia Nghĩa 1.119 ha; huyện Cư Jút 1.127 ha; huyện Đắk Mil 1.160 ha; huyện Krông Nô 880 ha; huyện Đắk Song 1.217 ha; huyện Đắk R'lấp 1.614 ha; huyện Tuy Đức 2.191 ha và huyện Đắk Glong 2.954 ha.

Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án thời kỳ 2021-2030 khoảng 21 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp cần thu hồi phân theo đơn vị hành chính cấp huyện như sau: thành phố Gia Nghĩa 1 ha; huyện Cư Jút 0,1 ha; huyện Đắk Mil 02 ha; huyện Đắk Song 01 ha; huyện Đắk R'lấp 0,1 ha; huyện Tuy Đức 0,2 ha và huyện Đắk Glong 16 ha.

b) Diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích đất nông nghiệp chuyển sang sử dụng vào các mục đích phi nông nghiệp là 14.636 ha. Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp phân theo đơn vị hành chính cấp huyện như sau: thành phố Gia Nghĩa 1.300 ha; huyện Cư Jút 1.169 ha; huyện Đắk Mil 1.178 ha; huyện Krông Nô 924 ha; huyện Đắk Song 1.402 ha; huyện Đắk R'lấp 1.756 ha; huyện Tuy Đức 2.526 ha và huyện Đắk Glong 4.380 ha.

Chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp: Đất trồng lúa chuyển

sang đất trồng cây lâu năm 935 ha.

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp là 748 ha, trong đó: sử dụng mục đích đất trồng cây lâu năm 699 ha, sử dụng mục đích đất rừng sản xuất 49 ha. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp (phát triển hạ tầng) là 236 ha.

VII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Quy hoạch phân vùng không gian liên huyện của tỉnh thành 4 vùng, gồm:

- Vùng liên huyện phía Nam (vùng trung tâm): Phạm vi gồm TP. Gia Nghĩa mở rộng (gồm: TP. Gia Nghĩa hiện nay, xã Đắk Ha, huyện Đắk G'long; xã Trường Xuân, huyện Đắk Song; xã Đắk Wer, xã Nhân Cơ và xã Nhân Đạo huyện Đắk R'lấp) và huyện Đắk R'lấp. Diện tích: 123.195ha. Đây là vùng trọng điểm có vai trò động lực thúc đẩy tỉnh phát triển, với chức năng chính là đô thị dịch vụ, công nghiệp và du lịch, hướng tới đô thị tri thức, phát triển bền vững.

Tập trung phát triển không gian chuỗi đô thị Gia Nghĩa - Đắk R'lấp (theo hướng đô thị công nghiệp - thương mại dịch vụ - nông nghiệp, hướng đến đô thị tri thức) dọc theo đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) và Cao tốc (CT2). Hình thành các hành lang văn hóa và du lịch theo hướng truyền thống và du lịch nghỉ dưỡng. (3) Phát triển nông nghiệp đô thị gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi giá trị và gắn liền với các nhà máy chế biến. (4) Tập trung triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông.

- Vùng liên huyện phía Đông: Phạm vi gồm 2 huyện Đắk G'long và huyện Krông Nô. Diện tích: 226.116 ha. đây là vùng trọng điểm quan trọng gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông, có giá trị về di sản địa chất, đa dạng sinh học, văn hóa các dân tộc bản địa mang ý nghĩa quốc gia, quốc tế. Chức năng chính là đô thị du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng, sinh thái và phát triển bền vững.

Tập trung phát triển các trung tâm đô thị: Quảng Khê phía Nam gắn với đô thị du lịch Tà Đùng, đô thị Đắk Mâm phía Bắc gắn với Quần thể hang động - núi lửa Krông Nô, và đô thị công nghiệp Quảng Sơn. Khoanh vùng bảo tồn những vùng sinh thái cảnh quan, các "Trung tâm văn hóa dân tộc" chủ đạo để bảo tồn và phát triển du lịch với loại hình đa dạng. Phát triển công nghiệp theo hướng hạn chế ảnh hưởng môi trường, đẩy mạnh ngành công nghiệp sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm công nghiệp. Tập trung triển khai đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là nâng cấp Quốc lộ 28 kết nối vào các trục cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Đà Lạt, Quốc lộ 20 và khuyến khích nghiên cứu đầu tư xây dựng sân bay để thúc đẩy phát triển du lịch.

- Vùng liên huyện phía Tây: Phạm vi gồm 2 huyện Đắk Song và Tuy

Đức. Diện tích: 192.536 ha. Đây là vùng phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao theo hướng bền vững, đẩy mạnh phát triển dịch vụ kinh tế mậu biên, du lịch, và công nghiệp phục vụ theo hướng đồng bộ để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển toàn diện.

Phát triển rừng nguyên liệu, cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến để có sản phẩm hàng hoá. Chăn nuôi gia súc. Phát triển du lịch sinh thái núi cao kết hợp văn hóa bản địa, du lịch thăm quan, du lịch leo núi, du lịch sinh thái, du lịch trang trại,.. Phát triển đô thị Đức An và đô thị Đắk Búk So gắn với đô thị Đắk Mil tạo thành chuỗi đô thị dọc Quốc lộ 14C. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đảm bảo kết nối, đặc biệt là tỉnh Mondulkiri/Vương quốc Campuchia: cửa khẩu Bu Prăng, hệ thống giao thông,... Đồng thời đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo: điện mặt trời, điện gió.

- Vùng liên huyện phía Bắc: Phạm vi gồm 2 huyện Đắk Mil và huyện Cư Jút. Diện tích: 140.228 ha. Đây là vùng phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao theo hướng bền vững, kết hợp với phát triển dịch vụ, du lịch, đô thị dịch vụ kinh tế mậu biên đồng bộ. Đồng thời thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo và các ngành công nghiệp phù hợp.

Tập trung phát triển đô thị: đô thị hạt nhân Đắk Mil và đô thị Ea T'ling. Phát triển nông nghiệp vùng trở thành "tâm điểm" của vùng chuyên canh cây công nghiệp ngắn và dài ngày, phát triển cây lương thực. Từng bước phát triển khu vực cửa khẩu Đắk Peur thành khu kinh tế cửa khẩu quốc tế. Phát triển du lịch với sản phẩm đa dạng: du lịch nông nghiệp, sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch khám phá, du lịch trãi nghiệm, du lịch tham quan di tích, du lịch văn hóa bản địa,... Đồng thời tập trung phát triển nguồn năng lương tái tạo: điện mặt trời, điện gió.

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện: Quy hoạch 08 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh.

VIII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm: khu dân cư tập trung ở đô thị bao gồm các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III theo quy định của pháp luật về phân loại độ thị; nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; các khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên và vùng có các yếu tố, đối tượng nhạy cảm đặc biệt khác cần bảo vệ nghiêm ngặt.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm vùng đệm của vùng bảo vệ nghiêm

ngặt; vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là đô thị loại IV, loại V; vùng thuộc khu di sản thiên nhiên, hành lang đa dạng sinh học, khu vực có đa dạng sinh học cao, hệ sinh thái rừng tự nhiên quan trọng; khu vực có khả năng ô nhiễm cao cần được bảo vệ.

- Đối với vùng khác, thực hiện bảo vệ môi trường theo quy định thông thường.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học về các nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái phong phú trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ sức khỏe Nhân dân, bảo vệ môi trường và giá trị đa dạng sinh học.

- Đến năm 2030, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dang sinh học có diện tích 47.000, với 4 khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, trong đó: Vườn Quốc Gia (VQG) Yok Dôn: 2.728 ha (phần phía Nam của VQG thuộc địa phận xã Đắk Wil, huyện Cư Jút), đây là vườn quốc gia với đặc trưng là sinh thái rừng khộp (diện tích vườn 111.125,95 ha chủ yếu nằm trên địa tỉnh Đắk Lắk). Khu dự trữ thiên nhiên Nam Nung: thuộc huyện Krông Nô và huyện Đắk Song, có diện tích 22.0000 ha (hiện trạng là 12.307,8 ha, sẽ mở rộng thêm 9.500 ha), trong đó rừng đặc dụng 9.203 ha; rừng phòng hộ: 2.400 ha; rừng sản xuất 7.000 ha. Vườn quốc gia Tà Đùng có diện tích 20.242,39 ha, nằm trên địa giới hành chính xã Đắk Som, huyện Đắk Glong, cách trung tâm thành phố Gia Nghĩa 50 km về phía Đông Bắc (theo Quốc lộ 28). Khu bảo vệ cảnh quan (văn hoá, lịch sử, môi trường) Đray Sáp - Gia Long: thuộc xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô, diện tích quy hoạch 1.515,2 ha.

c) Quan trắc chất lượng môi trường

Tiến hành quan trắc định kỳ tại 240 điểm (60 điểm quan trắc nước mặt, 50 điểm quan trắc nước dưới đất, 80 điểm quan trắc không khí xung quanh, 30 điểm quan trắc đất và 20 điểm quan trắc trầm tích và chất thải) và quan trắc tự động liên tục tại 5 điểm (bao gồm 2 điểm quan trắc nước mặt tự động liên tục và 3 điểm quan trắc không khí tự động liên tục). Mở rộng mạng lưới quan trắc, bổ sung thêm các điểm quan trắc cần thiết phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

d) Phương án quản lý bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Quy hoạch đến năm 2030, diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh là 292.981 ha, tăng 80.998 ha so với hiện trạng năm 2020; trong đó: diện tích rừng phòng hộ là 49.895 ha, tăng 3.670 ha so với hiện trạng năm 2020; diện tích rừng đặc dụng là 38.324 ha, tăng 1.654 ha so với hiện trạng năm 2020; và diện tích rừng sản xuất là 204.762 ha, tăng 75.674 ha so với hiện trạng năm 2020.

Bảo vệ tốt diện tích có rừng trên toàn tỉnh đến năm 2025 là 260.875,34 ha (196.636,07 ha rừng tự nhiên và 56.239,27 ha rừng trồng trong quy hoạch và

8.000 ha rừng trồng cây đa mục đích ngoài quy hoạch 3 loại rừng). Bảo vệ tốt diện tích phát triển rừng trong giai đoạn 2023-2025: 3.345 ha rừng trồng tập trung; 4.027 ha rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh; 5.465 ha rừng nông lâm kết hợp và 241 ha cây trồng phân tán.

2. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

a) Khu vực thăm dò, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

- Khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: gồm 1.755 khu vực, vị trí với tổng diện tích là 242.064,63 ha và 52 tuyến với tổng chiều dài là 1.640,9 km.

- Khu vực hoạt động khoáng sản: Trên địa bàn tỉnh, ngoài các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo các tiêu chí đã nêu, không có các khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản, hầu hết diện tích còn lại đều thuộc khu vực hoạt động khoáng sản bình thường.

- Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia: Khu vực dự trữ bôxít Bù Đăng - Gia Nghĩa, Đắk R'lấp, Gia Nghĩa.

b) Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại tài nguyên khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác

Các khu vực hoạt động khoáng sản có thu tiền cấp quyền khai thác: trên địa bàn tỉnh Đắk Nông có 233 mỏ đưa vào lập phương án thăm dò, khai thác chế biến và sử dụng tài nguyên khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (trong đó 81 mỏ đá xây dựng; 19 mỏ cát xây dựng; 11 mỏ sét gạch ngói, 113 mỏ vật liệu san lấp; 08 mỏ than bùn; 01 mỏ đá granit làm đá ốp lát).

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước

Kết quả phân chia tiểu vùng với 4 vùng trong phạm vi của tỉnh:

- Vùng lưu vực sông Sêrêpốk (Vùng I): Bao gồm phần lớn diện tích huyện Cư Jút (trừ một phần diện tích tự nhiên xã Tâm Thắng và Trúc Sơn) và một phần các xã Đắk Lao, Đắk Gằn, Đức Mạnh, Thuận An, Thị trấn Đắk Mil huyện Đắk Mil. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn vùng I là 115.455 ha.

- Vùng lưu vực sông Krông Nô (Vùng II): Bao gồm toàn bộ diện tích huyện Krông Nô, một phần diện tích tự nhiên các xã Đắk Lao, Đắk Gằn, Đức Mạnh, Thuận An, thị trấn Đắk Mil, Đắk R'La, Đắk N'Drót, Đắk Sắk, Đức Minh, Long Sơn của huyện Đắk Mil, diện tích tự nhiên xã Đắk Môl, một phần diện tích xã Thuận Hạnh huyện Đắk Song và diện tích xã Quảng Sơn, một phần diện tích xã Đắk Ha, Đắk Som, Đắk Plao, diện tích tự nhiên toàn xã Đắk R'Măng, Quảng Khê, huyện Đắk Glong. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn vùng II là 229.046 ha.

- Vùng lưu vực sông Đồng Nai (Vùng III): Bao gồm toàn bộ diện tích các

xã Đắk Song, Đắk Môl, Đắk Hoà, Trường Xuân, Đắk N'Drung và Nâm N'Jang, một phần diện tích xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, phần còn lại huyện Đắk Glong, một phần diện tích xã Đắk Búk So, Đắk R'tih, Quảng Tân huyện Tuy Đức, toàn bộ thành phố Gia Nghĩa, và một phần huyện Đắk R'lấp. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn vùng III là 208.531 ha.

- Vùng lưu vực sông Bé (Vùng IV): Vùng này là phần diện tích còn lại của tỉnh Đắk Nông, bao gồm diện tích lưu vực các nhánh sông suối đổ vào thượng lưu sông Bé. Vùng IV thuộc diện tích huyện Tuy Đức và một phần nhỏ còn lại của huyện Đắk R'lấp. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn vùng IV là 98.312 ha.

b) Phân bổ tài nguyên nước

Thứ tự ưu tiên của các nhu cầu nước tỉnh Đắk Nông được xác định như sau: (1) Đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) Đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh trên các sông chính của từng khu dùng nước; (3) Đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, ưu tiên các Khu công nghiệp tập trung, Cụm công nghiệp đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; (4) Đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản).

c) Bảo vệ tài nguyên nước

- Thứ tự ưu tiên bảo vệ nguồn nước mặt được xác định theo mục đích sử dụng nước và sắp xếp từ cao đến thấp cụ thể như sau: (1) Ưu tiên cao nhất bảo vệ nguồn nước các sông, đoạn sông có khai thác nước cấp cho sinh hoạt với yêu cầu bảo đảm cả số lượng và chất lượng trong mọi tình huống; (2) Các nguồn nước có giá trị đa dạng sinh học cao, có giá trị lịch sử, bảo tồn văn hoá; (3) Nguồn nước, cảnh quan môi trường và hệ sinh thái của tất cả các sông trục chính, chịu tác động của nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, làng nghề, nước thải bệnh viện; (4) Nguồn nước cấp bảo đảm phát triển nông nghiệp, công nghiệp và phát triển các ngành kinh tế khác trong khu vực.

- Giải pháp bảo vệ chất lượng nước mặt: (1) Tăng cường công tác kiểm tra, quản lý nguồn thải; (2) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên nước mặt trên toàn tỉnh; (3) Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước, lập và thực hiện các kế hoạch bảo vệ nguồn sinh thuỷ, nguồn nước có giá trị bảo tồn; (4) Giải pháp về khoa học công nghệ; (5) Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức; (6) Tăng cường công tác xã hội hoá trong bảo vệ tài nguyên nước mặt; (7) Xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát chất lượng nước, nước thải.

- Giải pháp bảo vệ chất lượng nước dưới đất: (1) Giải pháp về quan trắc, giám sát tài nguyên nước dưới đất; (2) Giải pháp công nghệ, kỹ thuật trong quản lý tài nguyên nước dưới đất; (3) Giải pháp quản lý; (4) Giải pháp về tài chính; (5) Giải pháp về truyền thông.

d) Phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

Triển khai thăm dò đáy sông Krông Nô để đánh giá thực trạng, xác định lại trữ lượng cát, từ đó điều chỉnh giấy phép đã cấp, tiến tới điều chỉnh quy hoạch khoáng sản, trong đó xác định vùng cấm và tạm cấm khai thác cát; Xây dựng quy trình xả lũ của các nhà máy thủy điện hợp lý để giảm thiểu tác động đến sạt lở hai bên bờ sông. Điều chỉnh mục tiêu và quy trình hồ chứa thủy điện để hài hòa cả ba mục tiêu đó là phát điện, phòng chống lũ và phòng chống hạn; Xây dựng hệ thống thông tin để tích hợp các cơ sở dữ liệu của các ngành từ Trung ương đến địa phương để dữ liệu được thống nhất, nâng cao chất lượng trong công tác cảnh báo, dự báo; Xây dựng kế hoạch và triển khai xây dựng, sửa chữa nâng cấp các tuyến kè sông suối; Cắm mốc hành lang thoát lũ cho các tuyến sông suối chính.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn

- Vùng hạn hán: Ảnh hưởng nghiêm trọng trên diện rộng đối với hầu hết các xã của huyện Cư Jút, huyện Krông Nô, huyện Đắk Mil và một số xã thuộc các huyện còn lại trên địa bàn tỉnh như: xã Đắk N'Drung, xã Trường Xuân của huyện Đắk Song; xã Đắk Ngo, xã Quảng Tân của huyện Tuy Đức; xã Đắk Ru, xã Nghĩa Thắng, xã Đạo Nghĩa của huyện Đắk R'lấp; xã Quảng Sơn, xã Quảng Khê của huyện Đắk Glong; xã Đắk Nia của thành phố Gia Nghĩa.

- Vùng lốc, sét, mưa đá: Các địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng gồm Krông Nô, Cư Jút, Đắk R'lấp, Tuy Đức, Đắk Mil và Đắk Glong.

- Vùng lũ, ngập lụt: Các địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng gồm các huyện Krông Nô và Cư Jút (đặc biệt là Krông Nô) thuộc địa phận xã Buôn Choáh, Quảng Phú, Nâm N'Dir, Đức Xuyên, Đắk Nang huyện Krông Nô, các xã Ea Pô, Nam Dong, Tâm Thắng huyện Cư Jút. Ngoài ra ở khu vực phía Nam cũng thường xuyên ngập lụt như: Thôn 11, thôn 12 xã Quảng Hòa, thôn Cây Xoài, xã Đắk R'măng, thôn 2 xã Đắk Som huyện Đắk Glong, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức và một số vùng thấp trũng huyện Đắk R'lấp.

- Vùng lũ quét, sạt lở đất do mưa lớn kéo dài: Địa bàn các huyện chịu ảnh hưởng của lũ quét: Tuy Đức, Đắk R'lấp, Krông Nô, Đắk GLong, Đắk Song. Khu vực chịu ảnh hưởng của sạt lở đất: gồm các huyện Đắk Song, Đắk Glong, Đắk R'lấp, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa. Ngoài ra, một số xã dọc sông Krông Nô thuộc huyện Krông Nô thường xuyên xảy ra sạt lở bờ sông, ảnh hưởng nghiêm trọng như Đắk Nang, Quảng Phú, Buôn Choáh, Đức Xuyên và Nâm N'Đir.

b) Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Giải pháp phi công trình: Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế chính sách; Kiện toàn tổ chức, bộ máy tăng cường năng lực quản lý thiên; Lập, rà soát và thực hiện các kế hoạch, quy hoạch, phương án; Nâng cao năng lực dự

báo, cảnh báo cấp tỉnh; Nâng cao nhận thức, kiến thức phòng chống thiên tai cộng đồng; Chương trình trồng, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Giải pháp công trình: Đầu tư, nâng cấp công trình thủy lợi; Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng chống thiên tai; Đầu tư, nâng cấp công trình giao thông kết hợp phòng chống thiên tai; Công trình hạ tầng cấp, thoát nước; Công trình hồ thủy điện.

IX. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ *(Phụ lục I - Danh mục các dự án đề xuất ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch).*

X. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động và sử dụng vốn đầu tư

Đẩy mạnh các kiến nghị nhằm tăng cường sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương để bổ sung, thu hút các nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn từ chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư thực hiện các các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế công tư kết hợp (PPP) để huy động các nguồn vốn phát triển các cơ sở hạ tầng trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh để đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, đặc biệt là thu hút vốn đầu tư từ các doanh nghiệp; khai thác hiệu quả các nguồn lực từ quỹ đất.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Tập trung đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong hệ thống chính trị, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực trụ cột phát triển kinh tế của địa phương. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời ưu tiên các nguồn lực để tăng cường đào tạo cho người đồng bào dân tộc thiểu số nhằm góp phần nâng cao dân trí, trình độ và tay nghề lao động của người đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Tăng cường năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, quan tâm đầu tư các công trình bảo vệ và xử lý ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong mọi tầng lớp xã hội. Tổ chức bảo vệ môi trường tại các vùng theo phương án phân vùng bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế xã hội. Khai thác hợp lý và sử dụng tiết

kiệm, bền vững tài nguyên khoáng sản, chống thoái hoá đất, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên nước, bảo vệ diện tích rừng; có cơ chế quản lý hiệu quả các loại chất thải, đặc biệt là chất thải rắn và nước thải.

4. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đẩy mạnh triển khai các định hướng nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, cấp tỉnh và nâng cao năng lực ứng dụng KHCN. Phát triển hệ thống mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của tỉnh hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Phối hợp với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên để xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi trong thu hút đầu tư, trong hợp tác phát triển du lịch, trong xây dựng vùng nguyên liệu nông sản... để phát huy lợi thế so sánh của mỗi địa phương trong vùng, tránh tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các tỉnh trong vùng Tây Nguyên.

Xây dựng cơ chế phối hợp với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam để liên kết sản xuất theo hướng Đắk Nông sẽ phát triển công nghiệp vệ tinh cho các khu công nghiệp lớn của Vùng này khi tuyến cao tốc kết nối Tây Nguyên với các tỉnh phía Nam được vận hành.

Xây dựng cơ chế phối hợp với các địa phương khu vực duyên hải miền Trung để xây dựng chuỗi sản phẩm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng biển - núi, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch sinh thái, mua sắm... Bên cạnh đó, xây dựng cơ chế, chính sách để thúc đẩy liên kết giao thương trên trục hành lang Đông Tây, kết nối khu vực duyên hải miền Trung với hai khu vực cửa khẩu Bu Prăng và Đắk Peur với Vương quốc Campuchia.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, số hóa hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại theo hướng tích hợp để thuận lợi trong quản lý đất đai. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống đô thị thông minh. Xây dựng và

hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới; hạn chế quá trình phát triển đô thị theo vết dầu loang, đặc biệt là các trục giao thông mới. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện. Quản lý tốt các hồ, đập phục vụ công tác điều tiết nước và bảo đảm môi trường sinh thái.

7. Thực hiện tốt công tác đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển

Phát huy mạnh mẽ sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vững chắc, trật tự an toàn xã hội ổn định và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh cho toàn dân.

8. Tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định. Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch; bố trí nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh. Lồng ghép các nội dung vào các kế hoạch 5 năm, hằng năm, các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để triển khai thực hiện quy hoạch.

Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ và công khai, minh bạch. Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

XI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh đã gặp một số khó khăn, vướng mắc, UBND tỉnh đã báo cáo rõ và đề nghị Chính phủ, Hội đồng thẩm định, các Bộ, cơ quan Trung ương xem xét, giải quyết, gồm:

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, sớm bố trí nguồn vốn, thực hiện dự án di dời đường dây 500kV đoạn đi trong thành phố Gia Nghĩa (với khối lượng di dời khoảng 21 km và 50 vị trí trụ điện).

2. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tập đoàn TKV xem xét, chuyển giao đất sau hoàn thổ khai thác bôxít để địa phương quản lý để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát triển sản xuất nông nghiệp, các hoạt động kinh tế khác theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

3. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch bổ sung Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng vào

danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia; đồng thời kiến nghị Bộ Công Thương xử lý chồng lấn khu vực Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng và khu vực mỏ Quảng Khê - Đắk Som tại Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản quốc gia.

4. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương điều chỉnh nhu cầu sử dụng đất (tăng, giảm) so với chỉ tiêu đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ (trong quy hoạch tỉnh đã đưa nội dung này là Phương án 2), trong đó:

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 579.691 ha (giảm 8.032 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 588.572 ha (giảm 4.016 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 273.390 ha (giảm 19.591 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 248.504 ha (giảm 6.000 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất phi nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 70.814 ha (tăng 8.032 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 60.949 ha (tăng 4.016 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

5. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, xem xét giải quyết căn cơ, đồng bộ các vấn đề mang tính đặc thù liên quan đến đầu tư công trình, dự án nằm trong khu vực khoáng sản và vùng quy hoạch thăm dò, khai thác chế biến quặng bôxít.

* Các nội dung kiến nghị trên, UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và đã được ghi nhận, đang xem xét, giải quyết. Sau khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương cho ý kiến, UBND tỉnh sẽ tiếp tục cập nhật, bổ sung báo cáo.

(Phụ lục II – Một số kiến nghị trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh).

B. Về hồ sơ Quy hoạch tỉnh gửi xin ý kiến, bao gồm:

(1) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(2) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về thông qua Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(3) Báo cáo Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, gồm 2 tập và phụ lục;

(4) Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tại Văn bản số 3198/BC-HĐTĐ ngày 27/4/2023 và ý kiến các Thành viên Hội đồng thẩm định, gồm 02 phụ lục;

(6) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch tỉnh và báo cáo tiếp thu, giải trình báo cáo ĐMC;

(7) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, tài liệu kèm theo liên quan Quy hoạch tỉnh theo quy định;

Các hồ sơ trên gửi đồng thời file mềm và đăng tải tại website *http://www.daknongdpi.gov.vn/)*.

Với những nội dung nêu trên, kính trình Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, TH (Hiếu).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

PHỤ LỤC I

Danh mục các dự án đề xuất ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch

(kèm theo Báo cáo số 398/BC-UBND, ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh)

---

(1) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
I	**CÁC DỰ ÁN TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**	
1	**ĐƯỜNG CAO TỐC**	
	Trục dọc 4 (Cao tốc Bắc - Nam phía tây CT02)	
-	Đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước)	Thành phố Gia Nghĩa, huyện Đắk R'Lấp
-	Đoạn Buôn Ma Thuột (Đắk Lắk) - Gia Nghĩa (Đắk Nông)	Huyện Krông Nô, Đắk Song, TP. Gia Nghĩa, Đắk R'Lấp
2	**QUỐC LỘ**	
-	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 14C đoạn qua tỉnh Đắk Nông	Huyện Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song, Tuy Đức
-	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 28 đoạn qua tỉnh Đắk Nông	Huyện Cư Jút, Krông Nô, Đắk Glong; thành phố Gia Nghĩa
II	**CÁC DỰ ÁN TỈNH ĐẦU TƯ**	
A	**GIAO THÔNG**	
1	Tỉnh lộ và các tuyến nâng lên tỉnh lộ sau đầu tư theo quy hoạch	
-	Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 1 đoạn Kiến Đức - Đắk Buk So (thuộc trục ngang 5)	Huyện Đắk R'lấp, Tuy Đức
-	Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 6 (đoạn Nâm N'jang - Quảng Sơn (thuộc trục ngang 6)	Huyện Đắk Song, Đắk Glong
-	Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 4B (thuộc trục ngang 8)	Huyện Đắk Glong, Krông Nô
-	Nâng cấp cải tạo Tỉnh lộ 5 đoạn Đắk Ru- Đắk Sin (thuộc trục ngang 7)	Huyện Đắk R'lấp
-	Nâng cấp, cải tạo đường vào thuỷ điện Đồng Nai 4 (được quy hoạch là Quốc lộ 55)	Huyện Đắk Glong
-	Đầu tư xây dựng đường kết nối Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Bảo Lâm (Lâm Đồng)	Thành phố Gia Nghĩa
-	Đầu tư xây dựng đường kết nối từ đường ra cửa khẩu Đắk Peur tới Tỉnh lộ 3 (thuộc trục ngang 2)	Huyện Đắk Mil
-	Đầu tư xây dựng đường kết nối huyện Krông Nô (Đắk Nông) - huyện Krông Na (Đắk Lắk)	Huyện Krông Nô

TT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
	(thuộc trục ngang 2)	
-	Nâng cấp, cải tạo đường Đắk Sin - Nghĩa Thắng (thuộc trục ngang 5)	Huyện Đắk R'Lấp
-	Nâng cấp, cải tạo đường Quảng Sơn - Đắk R'măng (thuộc trục ngang 4)	Huyện Đắk Glong
-	Nâng cấp, cải tạo đường Quảng Khê - Đắk R'măng (thuộc trục ngang 4)	Huyện Đắk Glong
-	Nâng cấp, cải tạo đường Đắk Som - Đắk R'măng (thuộc trục ngang 8)	Huyện Đắk Glong
-	Nâng cấp, cải tạo đường Đắk R'măng - Quảng Hoà (thuộc trục ngang 8)	Huyện Đắk Glong
2	Đường đô thị	
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp các trục đường đô thị	Trên địa bàn các huyện, thành phố
3	Đường huyện	
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường huyện	Trên địa bàn các huyện
4	Đường xã	
-	Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường xã	Trên địa bàn các huyện, thành phố
III	**CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ**	
1	Sân bay Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp
2	Sân bay Quảng Khê	Huyện Đắk Glong
3	Tuyến đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Chơn Thành)) đoạn qua tỉnh Đắk Nông	Trên địa bàn các huyện, thành phố theo quy hoạch

(2) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG NĂNG LƯỢNG

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
	CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG (DOANH NGHIỆP NN ĐẦU TƯ)	
I	**Hệ thống điện 500kV**	
a	**Trạm biến áp**	
1	Cải tạo nâng công suất trạm biến áp 500kV Đắk Nông từ 900MVA lên 1.800 MVA	TP. Gia Nghĩa
b	**Đường dây**	
1	Xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Krông Buk – Tây Ninh 1, 02 mạch x 313 km	Tỉnh Đắk Nông
2	Xây dựng mới tuyến đường dây 500kV Ninh Sơn – Chơn Thành, 02 mạch x 275 km (có đoạn qua tỉnh Đắk Nông khoảng 100km)	Tỉnh Đắk Nông
3	Di dời đường dây 500kV (Tuyến Đắk Nông – PleiKu) đoạn qua thành phố Gia Nghĩa ra ngoài thành phố để đảm bảo mỹ quan đô thị	TP. Gia Nghĩa
II	**Hệ thống điện 220kV**	
a	**Trạm biến áp**	
1	Cải tạo nâng công xuất trạm biến áp Đắk Nông 250MVA lên 500MVA	TP. Gia Nghĩa
2	Xây dựng mới trạm Đắk Nông 2, công suất 250MVA	Huyện Krông Nô
3	Xây dựng mới trạm Điện phân nhôm, 1.184 MVA và các tuyến đường dây đấu nối	Tỉnh Đắk Nông
b	**Đường dây**	
1	Treo dây Điện Phân Nhôm - Rẽ Bình Long - 500 kV Đắk Nông, 4 mạch x 3km	Tỉnh Đắk Nông
2	Treo dây Điện Phân Nhôm - Rẽ Buôn Kuốp - 500 kV Đắk Nông, 2 mạch 6km	Tỉnh Đắk Nông
3	Nâng KNT Buôn Kuop – Buôn Tua Shra – Đắk Nông 500kV, 1 mạch 112km	Tỉnh Đắk Nông
4	Xây dựng mới đấu nối trạm Đắk Nông 2 – Rẽ Buôn Kuop – Buôn Tua Shra, 2 mạch x 10km	Tỉnh Đắk Nông
5	Xây dựng mới đấu nối ĐG Đắk Hòa – Rẽ Buôn Kuop – Đắk Nông 500kV, 2 mạch x 2km	Tỉnh Đắk Nông
6	Xây dựng mới đường dây ĐG Đắk ND'rung 1,2,3 – Đắk Nông, 2 mạch x 18km	Tỉnh Đắk Nông
II	**Hệ thống điện 110kV**	
a	**Trạm biến áp**	
1	Cải tạo trạm biến áp Đăk R'Lấp, Lắp MBA 2 - 40 MVA	Huyện Đăk R'Lấp
2	Cải tạo trạm biến áp Đắk R'Lấp 2, Lắp MBA 2 - 25 MVA	Huyện Đắk R'Lấp
3	Cải tạo trạm biến áp Đắk Mil, Cải tạo thay 1 MBA 25MVA thành 40MVA	Huyện Đắk Mil
4	Cải tạo trạm biến áp Krông Nô, Lắp MBA 2 - 25MVA	Huyện Krông Nô

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
5	Cải tạo trạm biến áp Cư Jút từ 1x63+1x40MVA thành 2x63MVA	Huyện Cư Jút
6	Cải tạo trạm biến áp Nhân cơ, Cải tạo thay 1 MBA 40MVA thành 63MVA	Huyện Đắk R'Lấp
7	Xây dựng mới trạm biến áp Gia Nghĩa, Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 40MVA	TP. Gia Nghĩa
8	Xây dựng mới trạm biến áp Tuy Đức, Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 25MVA	Huyện Tuy Đức
9	Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Sơn và đường dây đấu nối. Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT, GĐ1 lắp MBA 40MVA và GĐ2 lắp MBA 40MVA. Đường dây 2 mạch 240mm2 dài 1km.	Huyện Đắk Glong
10	Xây dựng mới trạm biến áp Quảng Khê, Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 25MVA	TP. Gia Nghĩa
11	Xây dựng mới trạm biến áp Đắk Mil 2, Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 25MVA	Huyện Đắk Mil
12	Xây dựng mới trạm biến áp Cư Jút 2, Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 40MVA	Huyện Cư Jút
13	Xây dựng mới trạm biến áp Nhân cơ 2, Xây dựng mới trạm biến áp theo nhu cầu từng giai đoạn (GĐ đầu 63MVA; giai đoạn sau theo nhu cầu phát triển phụ tải)	Tỉnh Đắk Nông
14	Xây dựng mới trạm biến áp Alumin 1. Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 40MVA.	Huyện Đắk Song
15	Xây dựng mới trạm biến áp Alumin 2. Xây dựng mới trạm biến áp 2 MBT nhưng lắp MBA 1 - 40MVA.	Huyện Đắk Song
16	Xây dựng mới trạm cắt 110kV Đắk Song.	Huyện Đắk Song
17	Dự phòng xây dựng các trạm biến áp cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện. Công suất dự kiến khoảng 400MVA.	Huyện Đắk Song
18	Bao gồm nhưng không giới hạn các dự án: Thay thế, lắp đặt kháng điện, tụ bù, SVC, SVG, thiết bị FACTS, BESS, máy bù đồng bộ…; mở rộng ngăn lộ trạm biến áp, cải tạo, hoàn thiện sơ đồ các trạm biến áp theo hướng linh hoạt; lắp đặt các thiết bị hạn chế dòng ngắn mạch, thay thế nâng cấp thiết bị đảm bảo khả năng chịu dòng ngắn mạch, thiết lập mạch tự động; lắp đặt, thay thế các thiết bị, hệ thống điều khiển, hệ thống SCADA/ EMS,	Tỉnh Đắk Nông

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
	SCADA/DMS, tự động hóa trạm	
19	Trạm biến áp 110kV Đắk Mil 2, Đắk R'La, Đắk N'Drot	Huyện Đắk Mil
b	**Đường dây**	
1	Cải tạo đường dây Cư Jút - NM ĐMT Cư Jút, Cải tạo phân pha 2x240mm2 dài 7,437km	Huyện Cư Jút
2	Cải tạo đường dây NM ĐMT Cư Jút - Đắk Mil, Cải tạo phân pha 2x240mm2 dài 31,222km	Tỉnh Đắk Nông
3	Cải tạo đường dây Đắk Mil - Đắk Song, Cải tạo phân pha 2x240mm2 dài 27,597km	Tỉnh Đắk Nông
4	Cải tạo đường dây Đắk Nông 220 - Đắk Song, Cải tạo phân pha 2x240mm2 dài 40,010km	Tỉnh Đắk Nông
5	Di dời đường dây 110kV ra khỏi quy hoạch khu du lịch sinh thái hồ Đắk R'Tih, Dài 10km (thuộc Đồ án Quy hoạch khu du lịch sinh thái hồ Đắk R'Tih đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	Tỉnh Đắk Nông
6	Xây dựng mới đường dây Krông Nô - Đắk Mil, Kéo mới đường dây 240mm2 dài 25km	Tỉnh Đắk Nông
7	Xây dựng mới đường dây Rẽ Tuy Đức, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 16km	Huyện Tuy Đức
8	Xây dựng mới đường dây Rẽ Gia Nghĩa, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 11km	TP. Gia Nghĩa
9	Xây dựng mới đường dây Quảng Sơn - Krông Nô, Kéo mới đường dây 240mm2 dài 38km	Huyện Đắk Glong
10	Xây dựng mới đường dây Gia Nghĩa - Quảng Sơn, Kéo mới đường dây 240mm2 dài 18km	Tỉnh Đắk Nông
11	Xây dựng mới đường dây Rẽ Quảng Khê, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 40km	TP. Gia Nghĩa
12	Xây dựng mới đường dây Rẽ Đắk Mil 2, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 0,5km	Huyện Đắk Mil
13	Xây dựng mới đường dây Rẽ Cư Jút 2, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 10km	Huyện Cư Jút
14	Xây dựng mới đường dây Rẽ Nhân cơ 2, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 2km	Huyện Cư Jút
15	Xây dựng mới đượng dây đấu nối trạm cắt Đắk Song, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 2km	Huyện Đắk Song
16	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm Alumin 1 vào trạm cắt Đắk Song, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 12km	Huyện Đắk Song
17	Xây dựng mới đường dây đấu nối trạm Alumin 2 vào trạm cắt Đắk Song, Kéo mới đường dây 2 mạch 240mm2 dài 15km	Huyện Đắk Song
18	Xây dựng mới 2 lộ ra 110kV trạm Đắk Nông 2 (220kV) và kéo mới 2 mạch 240mm2 dài 1km đấu	Huyện Krông Nô

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
	chuyển tiếp tuyến Krông Nô - Đắk Mil	
19	Xây dựng mới 2 lộ ra 110kV trạm Đắk Nông 2 (220kV) và kéo mới 2 mạch 240mm2 dài 3km đấu chuyển tiếp tuyến Krông Nô - Buôn Kuốp	Huyện Krông Nô
20	Xây dựng mới 2 lộ ra 110kV trạm Đắk Nông 2 (220kV) và kéo mới 2 mạch 240mm2 dài 10km đấu chuyển tiếp tuyến Cư Jút - Đắk Mil 2	Huyện Đắk Song, Krông Nô
21	Dự phòng xây dựng mới các tuyến đường dây cho tăng trưởng phụ tải và phát triển nguồn điện. Dự kiến 100km đường dây.	Tỉnh Đắk Nông
	CÁC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ	
1	Dự án nhà máy điện gió HCG Đắk Song	Huyện Đắk Song
2	Dự án nhà máy điện gió Nam Bình 2	Huyện Đắk Song
3	Dự án nhà máy điện gió Thuận Phong	Huyện Đắk Song
4	Dự án điện gió Đắk Hòa 2	Huyện Đắk Song
5	Dự án điện gió Aisia 2	Huyện Đắk Song
6	Dự án điện gió Nâm N'Jang	Huyện Đắk Song
7	Dự án điện gió Đắk Song 1	Huyện Đắk Song
8	Dự án điện gió Đắk Song 2	Huyện Đắk Song
9	Dự án điện gió Hòa Phát	Huyện Đắk Song, Tuy Đức
10	Dự án điện gió Tuy Đức 1	Huyện Tuy Đức
11	Dự án điện gió Tuy Đức 2	Huyện Tuy Đức
12	Dự án điện gió Tuy Đức 3	Huyện Tuy Đức
13	Dự án điện gió Tuy Đức 4	Huyện Tuy Đức
14	Dự án nhà máy điện gió Tuy Đức	Huyện Tuy Đức
15	Dự án nhà máy điện gió Đắk Nông 2	Huyện Tuy Đức
16	Dự án nhà máy điện gió Đắk Nông 3	Huyện Tuy Đức
17	Dự án nhà máy điện gió Đắk Nông 4	Huyện Tuy Đức
18	Dự án điện gió Tuy Đức 5	Huyện Tuy Đức
19	Dự án điện gió tại xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức
20	Dự án điện gió Quảng Trực 2	Huyện Tuy Đức
21	Dự án điện gió Tuy Đức 6	Huyện Tuy Đức
22	Dự án điện gió Tuy Đức 7	Huyện Tuy Đức
23	Dự án điện gió Tuy Đức 10	Huyện Tuy Đức
24	Dự án điện gió Quảng Khê	Huyện Đắk Glong
25	Dự án nhà máy điện gió Đắk Nông 1	Huyện Đắk Mil
26	Dự án nhà máy điện mặt trời Cư Knia	Huyện Cư Jút
27	Dự án nhà máy điện mặt trời Ea T'ling	Huyện Cư Jút
28	Dự án nhà máy điện mặt trời Nam Dong	Huyện Cư Jút
29	Dự án nhà máy điện mặt trời Ea Pô 1	Huyện Cư Jút
30	Dự án nhà máy điện mặt trời Hacom Đắk Nông	Huyện Cư Jút
31	Dự án điện mặt trời Sao Mai	Huyện Cư Jút
32	Dự án điện mặt trời Cư Jút 2	Huyện Cư Jút
33	Dự án điện mặt trời Cư Jút 3	Huyện Cư Jút
34	Dự án điện mặt trời tại xã Trúc Sơn	Huyện Cư Jút

STT	TÊN DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
35	Dự án điện mặt trời tại xã Tâm Thắng	Huyện Cư Jút
36	Dự án điện mặt trời Ea Pô 2	Huyện Cư Jút
37	Dự án nhà máy điện mặt trời Xuyên Hà	Huyện Krông Nô
38	Dự án điện mặt trời nổi hồ thủy điện Buôn Tua Srah	Huyện Krông Nô
39	Dự án nhà máy điện mặt trời Buôn Choah	Huyện Krông Nô
40	Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Nô 1	Huyện Krông Nô
41	Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Nô 2	Huyện Krông Nô
42	Dự án nhà máy điện mặt trời Quảng Phú	Huyện Krông Nô
43	Dự án điện mặt trời HCG Đắk Mil	Huyện Đắk Mil
44	Dự án điện mặt tại xã Đắk Gằn	Huyện Đắk Mil
45	Dự án điện mặt trời Long Sơn	Huyện Đắk Mil
46	Dự án điện mặt trời Đắk Mil	Huyện Đắk Mil
47	Dự án điện mặt trời Đức An	Huyện Đắk Song
48	Dự án điện mặt trời Đắk R'Tih 1	TP. Gia Nghĩa
49	Dự án điện mặt trời Đắk R'Tih 2	TP. Gia Nghĩa
50	Dự án điện mặt trời nổi hồ thủy điện Đồng Nai 3	Huyện Đắk G'long
51	Dự án điện mặt trời Doãn Văn	Huyện Tuy Đức
52	Dự án điện mặt trời Đắk Ru	Huyện Đắk R'Lấp
53	Dự án điện mặt trời Quảng Tín	Huyện Đắk R'Lấp
54	Dự án điện mặt trời Đắk R'Lấp	Huyện Đắk R'Lấp
55	Dự án Thủy điện Bảo Lâm	Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Gia Nghĩa, Đắk Nông
56	Dự án Thủy điện Đắk G'lun 2	Huyện Tuy Đức
57	Dự án Thủy điện Đắk G'lun 3	Huyện Tuy Đức
58	Dự án Thủy điện Đắk Buk So 1	Huyện Đắk R'lấp
59	Dự án Thủy điện Đắk R'keh	Huyện Đắk R'lấp
60	Dự án Thủy điện Đắk Keh 4	Huyện Đắk R'lấp
61	Dự án Thủy điện Đắk G'lun 4	Huyện Tuy Đức
62	Dự án Thủy điện Tân Thành	Huyện Krông Nô
63	Dự án Thủy điện Đắk So 4	Huyện Krông Nô
64	Dự án Thủy điện Đắk So 5	Huyện Krông Nô
65	Thủy điện trên hồ	Các huyện, Thành phố
66	Thủy điện tích năng	Các huyện, Thành phố
67	Dự án Thủy điện Đắk R'Lấp 1	Huyện Đắk R'lấp
68	Dự án Thủy điện Đắk R'Lấp 2	Huyện Đắk R'lấp
69	Dự án Thủy điện Đắk R'Lấp 3	Huyện Đắk R'lấp

(3) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ KHU ĐÔ THỊ

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Xây dựng, nâng cấp, phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu nhà ở, các khu chức năng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch chuyên ngành	Các huyện, thành phố
2	Khu đô thị Nghĩa Thành	TP. Gia Nghĩa
3	Khu dân cư số 2, phường Nghĩa Trung	TP. Gia Nghĩa
4	Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng hồ Đắk Nia	TP. Gia Nghĩa
5	Khu đô thị mới tổ dân phố 4, phường Nghĩa Đức	TP. Gia Nghĩa
6	Khu đô thị mới dọc tuyến nhánh kết nối đường tránh đô thị Gia Nghĩa, Nghĩa Trung	TP. Gia Nghĩa
7	Khu đô thị sinh thái số 3, Đắk Nia	Tp. Gia Nghĩa
8	Khu đô thị mới Hồ Đắk R'Tih (đồi chè), Nghĩa Tân	TP. Gia Nghĩa
9	Khu đô thị Lửa và Nước Đắk R'Tih, Đắk R'Moan - Nghĩa Phú.	TP. Gia Nghĩa
10	Khu đô thị phường Nghĩa Đức, Quảng Thành mở rộng	TP. Gia Nghĩa
11	Hạ tầng Khu đô thị mới số 2, Thuận An	Huyện Đắk Mil
12	Khu đô thị Đắk R'la	Huyện Đắk Mil
13	Khu du lịch sinh thái dọc sông Sêrêpốk, Ea T'ling và Tâm Thắng	Huyện Cư Jút
14	Khu du lịch sinh thái Hồ Trúc, Ea T'ling	Huyện Cư Jút
15	Khu nhà ở nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái ĐắkSun Hill, Quảng Khê	Huyện Đắk Glong
16	Khu đô thị Quảng Sơn	Huyện Đắk Glong
17	Khu đô thị du lịch, sân golf Tà Đùng, Đắk Som	Huyện Đắk Glong
18	Khu đô thị Quảng Tín	Huyện Đắk R'lấp
19	Khu đô thị Kiến Thành; Đắk Ru; Đạo Nghĩa	Huyện Đắk R'lấp
20	Khu đô thị Nam N'Jang	Huyện Đắk Song

** Các dự án thực hiện theo quy hoạch đô thị, quy hoạch phân khu chức năng và quy hoạch chuyên ngành có liên quan.*

(4) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ CÔNG NGHIỆP

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
I	**HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP**	
1	KCN Nhân Cơ 2	Huyện Đắk R'lấp
2	KCN Quảng Sơn	Huyện Đắk G'long
3	KCN Đắk Ru	Huyện Đắk R'lấp
4	KCN Đắk Song 1	Huyện Đắk Song
5	KCN Đắk Song 2	Huyện Đắk Song
II	**HẠ TẦNG CỤM CÔNG NGHIỆP**	
1	CCN Thuận An (mở rộng)	Huyện Đắk Mil
2	CCN BMC Đắk Ha (mở rộng)	huyện Đắk G'long
3	CCN Quảng Tâm	Huyện Tuy Đức
4	CCN Krông Nô	Huyện Krông Nô
5	CCN Trúc Sơn	Huyện Cư Jút
6	CCN Đắk R'lấp, Quảng Tín	Huyện Đắk R'lấp
7	CCN Đắk Song, Thuận Hạnh	Huyện Đắk Song
8	CCN Đắk R'la	Huyện Đắk Mil
9	CCN Gia Nghĩa, Đắk Nia	TP.Gia Nghĩa
10	CCN Quảng Khê	Huyện Đắk G'long
III	**CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**	
1	Dự án Nhà máy Điện phân Nhôm Đắk Nông 2	Huyện Đắk G'long
2	Dự án cải tiến hiệu suất, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (nâng công suất dây chuyền sản xuất alumin hiện có từ 0,65 lên 0,8 triệu tấn alumin/năm), Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp
3	Dự án mở rộng, nâng công suất Nhà máy sản xuất alumin Nhân Cơ (đầu tư mới dây chuyền sản xuất alumin thứ hai công suất 1,2 triệu tấn alumin/năm), Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp
4	Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 2	Huyện Đắk G'long
5	Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 3	Huyện Đắk Song
6	Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 4	Huyện Tuy Đức
7	Dự án Nhà máy Alumin Đắk Nông 5	Huyện Đắk G'long
8	Dự án Khai thác mỏ bô xít trung tâm 1/5; mỏ Đông bắc và mỏ Tây Nam 1/5	Huyện Đắk G'long
9	Dự án Khai thác mỏ Quảng Sơn KV 1, 2, 3	Huyện Đắk G'long
10	Dự án Khai thác mỏ bô xít Đắk Song, mỏ bô xít Gia Nghĩa, Bắc Gia Nghĩa	Huyện Đắk Song
11	Dự án Khai thác mỏ bô xít Tuy Đức	Huyện Tuy Đức
12	Nhà máy cơ khí chế tạo máy và sửa chữa các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến bô xít và cung cấp thiết bị cơ khí cho dự án điện phân nhôm, KCN Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp
13	Nhà máy sản xuất dây cáp điện, KCN Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp

STT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
14	Nhà máy sản xuất nhôm định hình và nhôm trang trí, KCN Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp
15	Nhà máy sản xuất linh kiện thiết bị công nghiệp sử dụng nhôm và hợp kim nhôm cung cấp cho thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu, KCN Nhân Cơ	Huyện Đắk R'lấp
16	Khai thác và chế biến cao lanh tinh học chất lượng cao	Các huyện
17	Nhà máy sản xuất gạch men cao cấp	Các huyện
18	Nhà máy sản xuất tua bin điện gió và trung tâm điều hành, KCN Nhân Cơ 2	Huyện Đắk R'lấp

** Đối với các dự án khai thác khoáng sản bôxít thực hiện theo nội dung Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

(5) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG DU LỊCH

STT	CÁC DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng	Huyện Đắk G'long
2	Khu vui chơi giải trí Liêng Nung	TP. Gia Nghĩa
3	Dự án khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Nâm Nung	Huyện Đắk Song; Huyện Krông Nô, Huyện Đắk G'long.
4	Không gian Việt theo dòng thời gian	TP. Gia Nghĩa
5	Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông (các huyện, thành phố) Các điểm dừng chân, các trung tâm thông tin Công viên địa chất	TP. Gia Nghĩa, Cư Jút, Đắk Mil, Krông Nô, Đắk Song
6	Khu du lịch sinh thái văn hóa cụm thác Đray Sáp - Gia Long	Huyện Krông Nô
7	Khu du lịch sinh thái thác Đắk G'lun	Huyện Tuy Đức
8	Dự án đô thị du lịch sinh thái hồ Đắk R'tih	TP. Gia Nghĩa
9	Các Khu du lịch sinh thái dọc sông Sêrêpốk	Huyện Cư Jút
10	Tổ hợp khách sạn cao cấp (khu đất Sở Ngoại vụ cũ)	TP. Gia Nghĩa
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng tại Điểm di sản núi lửa Nam Kar và di sản cánh đồng ven núi lửa	Huyện Krông Nô
12	Dự án khu di tích lịch sử quốc gia địa điểm bắt liên lạc khai thông đường Hồ Chí Minh (đoạn Nam Tây Nguyên đến Đông Nam Bộ)	TP. Gia Nghĩa
13	Tu bổ, tôn tạo, phục hồi và sửa chữa Khu di tích lịch sử B4 Liên tỉnh IV	Huyện Krông Nô
14	Nâng cấp, mở rộng Điểm di sản cầu Sêrêpốk	Huyện Cư Jút
15	Tu bổ, tôn tạo, sửa chữa nhà ngục Đắk Mil	Huyện Đắk Mil
16	Dự án tu bổ di tích lịch sử địa điểm lưu niệm N'Trang Gưh; điểm dừng chân C7, T1, T2	Huyện Krông Nô
17	Hệ thống các cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, nghỉ dưỡng, cắm trại, homestay, farmstay tại các thôn, bon, buôn, bản, khu sinh thái rừng có tiềm năng du lịch văn hóa, nông nghiệp gắn với cộng đồng dân tộc…)	Toàn tỉnh
18	Các khu du lịch sinh thái gắn liền với cảnh quan và phát triển lợi thế của địa phương	Toàn tỉnh

(6) DANH MỤC ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI

STT	DỰ ÁN	VỊ TRÍ
1	Các trung tâm Logistic dọc Quốc lộ 14, Quốc lộ 28, tuyến kết nối với đường cao tốc	Các huyện, thành phố có các tuyến đường đi qua
2	Trung tâm hội chợ triển lãm tỉnh Đắk Nông	Thành phố Gia Nghĩa
3	Siêu thị tổng hợp biên giới	Cửa khẩu Đắk Peur
4	Siêu thị tổng hợp biên giới	Cửa khẩu BuPrăng
5	Cụm kho hải quan Khu cửa khẩu Đắk Peur	Cửa khẩu Đắk Peur
6	Cụm kho hải quan Khu cửa khẩu Bu Prăng	Cửa khẩu Bu Prăng
7	Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại theo các quy hoạch chức năng, tiêu chuẩn chuyên ngành theo quy định	Toàn tỉnh

(7) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NÔNG NGHIỆP

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	VỊ TRÍ (huyện/tp)
I	**Lưu vực sông Srêpok giai đoạn 2021-2030**	
a.	**Danh mục công trình nâng cấp**	
1	Hồ E29; Đắk Săk; Đô Ry II; Bắc Sơn 1; Ông Đăng; Hồ Đội 1; Hồ Tây	Đắk Mil
2	Hồ Đắk Diêr	Cư Rút
3	CTTL Đắk Sơn 3 (Hồ Đắk Sơn 3)	Đắk Song
4	H. Đắk Tân; Đắk Mâm; . Đắk Ri	Krông Nô
b.	**Danh mục công trình xây mới**	
1	Hồ Đắk Gang; Đắk Klo Ou; Suối 38; Đắk N'Dreng	Đắk Mil
2	Hồ Ea Sier; Thôn 15; Đắk Drích; Ea Điêr 2	Cư Jút
3	Hồ Đắk Siat; Dốc Đất; Mạnh Tiến 2; Mỏ Đá; Lo Ren; Đắk R'la 3; Ông Bổng; Đắk Gon hạ; Nam Sơn 1; Đắk R'la 5.	Đắk Mil
4	Hồ Nam Xuân 1; Đắk Hoa; Nam Xuân; Đắk Ri 2; Đắk Klo.	Krông Nô
5	Hồ Hố Chay; Đắk N'Drot	Đắk Mil
II	**Lưu vực sông Krông Nô giai đoạn 2021-2030**	
a.	**Danh mục công trình nâng cấp**	
1	H. Đắk Rồ	Krông Nô
2	Hồ Thủy điện; Thôn 3A + 3B; Hang Lang; Số 1; Số 3; Đắk Bông; Thôn 3B; Thôn 5 (Thủy lợi Thôn 5); Đắk N'der 2; Thủy lợi; Đắk Snao 2; Thôn 3B Bon Sa Nar; Thôn 2; Đắk Snao 3	Đắk Glong
b.	**Danh mục công trình xây mới**	
1	Hồ Đắk Na; Đắk Đrúk; Đắk Prí; Đắk Đrô 3; Đắk Đrô; Đắk R'Po;	Krông Nô
2	Hồ Đắk N'Ting; Dhôu; Quảng Hòa	Đắk Glong
3	Mở rộng hệ thống CTTL TB Suối Đá	Đắk Glong
4	Đập Dâng Buôn Choih	Krông Nô
III	**Lưu vực sông Đồng Nai giai đoạn 2021-2030**	
a.	**Danh mục công trình nâng cấp**	
1	Hồ Chum Ia; M'buốch; Số 2; Đắk R'tiêng; Đắk Hlang; Đắk Srê; Thôn 2 (Nao Kon Đơi)	Đắk Glong
2	H. Bon Bu Ja Rá (sau Hồ Cầu Tư); Nhân Cơ; Bàu Muỗi	Đắk R'lấp
3	Hồ Đắk Mrung; Đắk Kuăl; Đắk kuăl 5 (Hồ Đắk kuăl 5); Đắk Toa; Thôn 3	Đắk Song
4	Hồ Tổ 3; Fai Kol Poul Đăng; Nam Dạ	Gia Nghĩa
5	Đập dâng bon Phung	Tuy Đức
b.	**Danh mục công trình xây mới**	
1	Hồ Đắk Pong (Đắk Mít); Bu Răng; Sình Tre; Đắk Tiên Tan	Đắk Song
2	Hồ Đắk R'tan; Đam Ru (Đak Dang Re)	Tuy Đức

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	VỊ TRÍ (huyện/tp)
3	Hồ Thôn 6-7; Thôn 6+17; Đắk Nêr 2; Quảng Trung; Thôn 7-T10	Đắk R'Lấp
4	Hồ Thôn 12A (Phú Xuân); Suối Đá; Đắk Muông 1; Bon Đắk R'Moon	Gia Nghĩa
5	Hồ Đắk Ha Hạ	Đắk Glong
IV	**Lưu vực sông Bé giai đoạn 2021-2030**	
a.	**Danh mục công trình nâng cấp**	
1	Thủy lợi Da Dung	Đắk R'lấp
2	H. Đắk Zên; Bon Bu PRăng 2; Đắk Huýt 4; Đắk Glun 1; Đập D2	Tuy Đức
b.	**Danh mục công trình xây mới**	
1	Hồ Thôn 7B; Đắk Glun	Tuy Đức
2	Hồ Đắk Nham; Đập thôn 9	Đắk R'lấp

(8) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
2	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố
3	Công trình thủy lợi hồ, đập cần nâng cấp sửa chữa đảm bảo tưới cũng như cấp nước	Các huyện, thành phố
4	Phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến tiết kiệm nước	Các huyện, thành phố
5	Làm kè chống sạt lở từ suối Đăk Prí từ Quốc lộ 28 đến sông Krông Nô	Krông Nô
6	Nạo vét đoạn suối Nam Đà từ sau hồ Nam Đà đến giáp suối Đắk Sôr	Krông Nô
7	Kè chống sạt lở trên Quốc lộ 28 vị trí đèo 34 thôn Nam Xuân	Krông Nô
8	Kè chống sạt lở một số vị trí có nguy cơ sạt lở	Krông Nô
9	Nạo vét chống ngập úng	Krông Nô
10	Kè chống sạt lở giao thông	Krông Nô
11	Kè chống sạt lở đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào thôn Nam Giao	Krông Nô
12	Kè bờ trên sông Krông Nô	Krông Nô
13	Kè chống sạt lở Tỉnh lộ 4B	Krông Nô
14	Hệ tống kênh tiêu hạ du đập Đắk R'tih 1 với diện tích khoảng 220 ha	Tuy Đức

(9) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VĂN HÓA, THỂ THAO

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Khu liên hiệp bảo tàng, thư viện tỉnh và công viên tỉnh	TP. Gia Nghĩa
2	Cụm tượng đài N'Trang Lơng (giai đoạn 2), Nghĩa Đức	TP. Gia Nghĩa
3	Quảng trường tỉnh	TP. Gia Nghĩa
4	Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh	TP. Gia Nghĩa
5	Sân Gôn (Golf) trong khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, Quảng Khê	Huyện Đắk G'long
6	Sân Gôn (Golf) nằm trong Khu phức hợp Du lịch – Nghỉ dưỡng – Sân Golf Tà Đùng	Huyện Đắk G'long

(10) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, CƠ SỞ XÃ HỘI

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Xây dựng các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp, Trường nghề, TTGDTX, THPT, THCS, Tiểu học, Mầm non, Cơ sở trợ giúp xã hội đảm bảo theo yêu cầu phát triển	Toàn tỉnh
2	Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Đắk Nông giai đoạn I	TP Gia Nghĩa
3	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	TP Gia Nghĩa
4	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông

(11) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG Y TẾ

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Xây mới Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2	TP. Gia Nghĩa
2	Xây mới Bệnh viện đa khoa chuyên sâu, Ea T'ling	Huyện Cư Jút
3	Xây mới Bệnh viện đa khoa Xuyên Á	TP. Gia Nghĩa
4	Xây mới Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm	TP. Gia Nghĩa
5	Xây mới Trung tâm sản xuất và ứng dụng dược liệu	TP Gia Nghĩa
6	Sửa chữa cơ sở hạ tầng Bệnh viện đa khoa tỉnh	TP Gia Nghĩa
7	Xây mới Bệnh viện Y học cổ truyền	TP Gia Nghĩa
8	Xây mới Trung tâm kiểm soát bệnh tật Tỉnh CDC, Nghĩa Đức	TP Gia Nghĩa
9	Xây mới Khu kiểm dịch biên giới cửa khẩu Bu Prăng	Bu Prăng
10	Khu kiểm dịch biên giới cửa khẩu Đắk Peur	Đắk Peur
11	Xây mới Trung tâm huyết học và truyền máu, Nghĩa Đức	TP Gia Nghĩa
12	Xây mới Trung tâm vận chuyển cấp cứu của tỉnh	TP Gia Nghĩa
13	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị cho cácTrung tâm y tế cấp huyện	Toàn tỉnh
14	Đầu tư nâng cấp, cải tạo các trạm y tế tuyến xã	Các huyện

(12) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

TT	DỰ ÁN	ĐỊA ĐIỂM
1	Dự án: "Mở rộng quy mô vườn thực nghiệm" thuộc Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông	TP. Gia Nghĩa
2	Dự án bảo vệ nguồn gen động, thực vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	TP. Gia Nghĩa; huyện Đắk Song; huyện Đắk G'long
3	Trung tâm công nghệ sinh học tỉnh Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông
4	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Tỉnh Đắk Nông
5	Cổng thông tin dữ liệu mở tỉnh Đắk Nông	Tỉnh Đắk Nông
6	Trung tâm điều hành thông minh các huyện: du lịch, giáo dục, y tế,…	Tỉnh Đắk Nông
7	Xây dựng nền tảng số chuyên ngành	Tỉnh Đắk Nông
8	Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn liên tỉnh	Các huyện, TP. Gia Nghĩa
9	Phát triển hạ tầng mạng 5G	Các huyện, TP. Gia Nghĩa
10	Bó gọn cáp và ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông	Các huyện, TP. Gia Nghĩa
11	Chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước giai đoạn 2021-2025	Các huyện, TP. Gia Nghĩa
12	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số xây dựng cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện; Điện toán đám mây; Cổng thông tin dịch vụ trực tuyến; Trung tâm logistic bưu chính; hạ tầng IoT; CSDL về thông tin đối ngoại; thương mại điện tử.	TP. Gia Nghĩa

(13) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC

TT	DỰ ÁN	VỊ TRÍ
I	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**	
1	Đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	Các huyện, thành phố
2	Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn nguy hại các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
3	Xây dựng hệ thống, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố
II	**BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**	
1	Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã	Tại các khu bảo tồn
2	Dự án xây dựng khu rừng đặc dụng cảnh quan Dray Sáp	Huyện Krông Nô
3	Dự án xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên Nâm Nung	Huyện Krông Nô
4	Dự án xây dựng khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng	Huyện Đắk Glong

(14) DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ DỰ ÁN CẤP, THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI; NGHĨA TRANG

TT	DỰ ÁN	VỊ TRÍ
I	**CẤP NƯỚC**	
1	Xây dựng, nâng cấp Nhà máy nước Gia Nghĩa	TP. Gia Nghĩa
2	Xây dựng, nâng cấp Nhà máy nước Đắk Mil; Đắk R'la	Huyện Đắk Mil
3	Xây dựng, nâng cấp Nhà máy nước Ea T'Ling; Nam Dong	Huyện Cư Jút
4	Xây dựng Nhà máy nước cấp Đô thị Kiến Đức, Đô thị Quảng Tín, Đô thị Kiến Thành	Huyện Đắk R'lấp
5	Xây dựng Nhà máy nước Quảng Sơn, Quảng Khê	Huyện Đắk G'long
6	Các nhà máy nước theo yêu cầu phát triển	Các huyện, thành phố
II	**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**	
1	Hệ thống xử lý nước thải Gia Nghĩa	TP. Gia Nghĩa
2	Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Kiến Đức	Huyện Đắk R'lấp
3	Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Quảng Tín	Huyện Đắk R'lấp
4	Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Kiến Thành	Huyện Đắk R'lấp
5	Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Đắk Mil	Huyện Đắk Mil
6	Hệ thống xử lý nước thải Đô thị Ea T'Ling	Huyện Cư Jút
7	Hệ thống xử lý nước thải thị trấn Quảng Khê	Huyện Đắk Glong
8	Các hệ thống xử lý nước thải theo yêu cầu phát triển và tiêu chuẩn kỹ thuật	Các huyện, thành phố
III	**XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN**	
1	Khu xử lý CTR Quảng Tâm	Huyện Tuy Đức
2	Khu xử lý CTR Đạo Nghĩa	Huyện Đắk R'lấp
3	Khu xử lý CTR Đắk Nia	TP. Gia Nghĩa
4	Khu xử lý CTR Cư Knia	Huyện Cư Jút
5	Khu xử lý CTR Đắk Lao	Huyện Đắk Mil
6	Khu xử lý CTR Quảng Khê	Huyện Đắk G'long
7	Bãi chôn lấp chất thải rắn Đắk Ha	Huyện Đắk G'long
8	Bãi chôn lấp chất thải rắn Đắk Mâm	Huyện Krông Nô
9	Các khu xử lý, bãi chôn lấp CTR theo yêu cầu phát triển và tiêu chuẩn kỹ thuật	Các huyện, thành phố
IV	**NGHĨA TRANG**	
1	Công viên vĩnh hằng, Đắk Nia	Thành phố Gia Nghĩa
2	Các nghĩa trang nhân dân, đài hóa thân các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố

PHỤ LỤC II

Một số kiến nghị, trình Hội đồng thẩm định và các Bộ, cơ quan trung ương xem xét giải quyết trong quá trình lập Quy hoạch tỉnh

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /6/2023 của UBND tỉnh)

---

(1) Thứ nhất, việc di dời đường dây 500kV đoạn đi trong thành phố Gia Nghĩa: Hiện nay, khu vực trung tâm đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông có tuyến đường dây 500kV đi qua (khoảng 10km và 25 vị trí trụ điện), việc này ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch, xây dựng, kiến trúc và mỹ quan đô thị khu vực trung tâm của tỉnh, do vậy việc di dời đường dây ra ngoài trung tâm đô thị là cần thiết nhằm đảm bảo an toàn cho cả người dân và lưới điện cũng như tạo điều kiện để phát triển không gian đô thị Gia Nghĩa. Việc di dời tuyến đường dây 500kV ra ngoài trung tâm đô thị Gia Nghĩa đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất trong các chuyến thăm và làm việc với tỉnh Đắk Nông; Ngày 15/3/2022, Bộ Công Thương đã có Văn bản số 1290/BCT-KH đề nghị UBND tỉnh Đắk Nông phối hợp với EVN xác định phương án di dời, đề xuất kinh phí và nguồn vốn di dời, đồng thời báo cáo các cơ quan thẩm quyền về phương án điều chỉnh bổ sung quy hoạch để có cơ sở triển khai thực hiện.

Tỉnh Đắk Nông đã có đề nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương quan tâm, xem xét sớm bố trí nguồn vốn, thực hiện dự án di dời đường dây 500kV đoạn đi trong thành phố Gia Nghĩa (với khối lượng di dời khoảng 21km và 50 vị trí trụ điện).

(2) Thứ hai, Phương án sử dụng đất hoàn thổ sau khai thác bôxít (Phương án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với đất hoàn thổ sau khai thác bôxíte)

Hiện nay, dự án nhà máy Alumin Nhân Cơ do Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam làm chủ đầu tư thuê đất đúng theo thời hạn giấy phép khai thác được cấp (30 năm), thực hiện chi trả chi phí đền bù giải phóng mặt bằng đất một lần như đối với các dự án thông thường. Sau khi khai thác quặng bôxít doanh nghiệp thực hiện hoàn thổ, cải tạo phục hồi môi trường theo Báo cáo đánh giá môi trường (ĐTM) được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt (từ 1-3 năm) (theo ĐTM đất sau khi khai thác bôxít không được bàn giao cho địa phương quản lý, sử dụng; cũng không được sử dụng đất vào mục đích khác do Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam không được đầu tư ngoài ngành) nhưng tiếp tục chi trả chi phí quản lý, bảo vệ, chi phí thuê đất…

Do vậy, thay cho việc phải thuê đất theo vòng đời dự án đề nghị giao lại cho địa phương quản lý, phát huy giá trị sử dụng đất, giảm chi phí quản lý cho Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Tỉnh đã chủ động xây dựng và phê duyệt phương án sử dụng đất sau khi khai thác bôxít của Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV tại Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 và đã được Bộ Tài

nguyên và Môi trường thống nhất, hướng dẫn tại Công văn số 5554/BTNMT-ĐCKS ngày 20/9/2022 về việc trả lại một phần diện tích khai thác quặng bôxít tại mỏ Nhân Cơ, tỉnh Đắk Nông.

Tại nội dung Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Thông báo kết luận số 245-TB/TW ngày 24/4/2009 của Bộ Chính trị về Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng bô-xít giai đoạn 2007-2015, có xét đến năm 2025 cũng đã nêu rõ một số khó khăn trên và đề xuất giao Bộ Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách pháp luật về khoáng sản, về môi trường và sử dụng đất, nghiên cứu đề xuất sửa đổi pháp luật theo hướng diện tích đất khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành công tác hoàn thổ sau khai thác khoáng sản chuyển giao đất cho địa phương để sử dụng quỹ đất vào phát triển các dự án kinh tế - xã hội khác, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Tỉnh Đắk Nông kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét, đánh giá và phê duyệt theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất sau khai thác khoáng sản bôxít để phục vụ cho nhiều mục đích phát triển kinh tế xã hội khác nhau như: sản xuất nông nghiệp, năng lượng, và hoạt động kinh tế khác trên diện tích đất đã khai thác mỏ theo mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

(3) Thứ ba, đề xuất phương án xử lý phần diện tích mỏ bôxít chồng lấn với Quy hoạch phát triển khu du lịch sinh thái Tà Đùng

Theo nội dung dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Khu vực mỏ Quảng Khê - Đắk Som là khu vực có tiềm năng, lợi thế nhất của tỉnh Đắk Nông về du lịch và đặc biệt Khu du lịch sinh thái văn hóa Tà Đùng với định hướng quy hoạch trở thành khu du lịch trọng điểm của vùng Tây Nguyên và cả nước; nếu khai thác bôxít sẽ không thể phát triển du lịch tại khu vực này. Định hướng phát triển du lịch khu vực này phù hợp với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, phù hợp với nguyện vọng, kỳ vọng của Nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Về nội dung này, UBND tỉnh đã kiến nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia *(Tờ trình số 5799/TTr-UBND ngày 07/10/2021 và Công văn số 5996/UBND- KGVX ngày 19/10/2022)* để phát triển du lịch khu vực này, đưa Khu du lịch sinh thái văn hoá Tà Đùng trở thành khu du lịch cấp quốc gia, góp phần đạt mục tiêu đưa du lịch trở 01 trong 03 trụ cột về kinh tế của tỉnh. Hiện tại, tỉnh đang quy hoạch và nhà đầu tư cũng đang nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư dự án Tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng phù hợp với tiềm năng, định hướng này. Đồng thời, phần lớn diện tích khu vực mỏ Quảng Khê - Đắk Som có sự chồng lấn với các vùng hiện hữu như: Khu đô thị, khu dân cư tập trung, các công trình công cộng, rừng phòng hộ... Do vậy,

Tỉnh Đắk Nông kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương xem xét, ưu tiên giữ lại cảnh quan các khu vực có tiềm năng lợi thế phát triển về du lịch để phát triển du lịch.

(4) Thứ tư, về đề xuất nhu cầu sử dụng đất (tăng, giảm) so với chỉ tiêu đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

1. Đất nông nghiệp

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 579.691 ha (giảm 8.032 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 588.572 ha (giảm 4.016 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của các ngành thì chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

1.1. Đất trồng lúa

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất trồng lúa tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 8.235 ha (tăng 520 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 8.235 ha (tăng 120 ha so với chỉ tiêu được phân bổ). Trong đó, chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất chuyên trồng lúa nước tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 4559 ha (tăng 288 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 4559 ha (tăng 38 ha so với chỉ tiêu được phân bổ)

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của các ngành.

1.2. Đất lâm nghiệp

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 273.390 ha (giảm 19.591 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 248.504 ha (giảm 6.000 ha so với chỉ tiêu được phân bổ). Cụ thể:

+ Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 62.262 ha (tăng 12.367 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 49.183 ha (giảm 0 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

+ Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất rừng đặc dụng tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 40.698 ha (tăng 2.374 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 37.362 ha (giảm 0 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

+ Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất rừng sản xuất tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 170.430 ha (giảm 34.332 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 161959 ha (giảm 6.000 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- Lý do điều chỉnh: Theo số liệu thống kê hiện trạng rừng đến hết năm 2021 thì diện tích đất có rừng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông là **248.328 ha**. Trong khi,

tổng diện tích đất lâm nghiệp theo quy hoạch sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ là **292.981 ha**, cao hơn hiện trạng đất lâm nghiệp năm 2021 là **44.653 ha**.

Tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định đưa tỉnh Đắk Nông phát triển nhanh, bền vững; giữ vững quốc phòng, an ninh; phấn đấu trở thành tỉnh trung bình khá vào năm 2025 và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên với các thế mạnh của tỉnh như: Phát triển công nghiệp alumin, luyện nhôm và năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời), xây dựng Đắk Nông trở thành trung tâm công nghiệp nhôm quốc gia; Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, xây dựng các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bền vững theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế rừng, trồng và chế biến dược liệu; Phát triển du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên, các giá trị văn hóa - đặc trưng sinh thái bản địa, Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông; Xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, ưu tiên đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng giao thông trọng điểm nội tỉnh, kết nối các điểm du lịch và hạ tầng trung tâm đô thị; 5. xây dựng các công trình an ninh, quốc phòng....). Do đó, việc quy hoạch tăng diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2030 **thêm 44.653 ha** sẽ làm cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo định hướng, yêu cầu, nhiệm vụ được giao tại nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông gặp rất nhiều khó khăn khi triển khai thực hiện.

Mặt khác, mục tiêu tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 của tỉnh theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII và Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/8/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông, chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng của cả nước cũng như tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là trên 42%, tương đương với diện tích đất có rừng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh 273.390 ha.

Như vậy, chỉ tiêu đất lâm nghiệp đến năm 2030 theo phương án nêu trên cơ bản giải quyết được những tồn tại, vướng mắc của tỉnh, đáp ứng nhu cầu đề xuất diện tích đưa ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh để quy hoạch cho mục đích khác phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, đảm bảo có diện tích, quỹ đất lâm nghiệp phù hợp phát triển rừng, hoàn thành chỉ tiêu tỷ lệ che phủ rừng trên 42% vào năm 2030.

2. Đất phi nông nghiệp

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất phi nông nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 70.814 ha (tăng 8.032 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 60.949 ha (tăng 4.016 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của các ngành thì chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp

để phát triển kinh tế, xã hội của địa phương như: Đất khu công nghiệp tăng 1.000 ha; Đất thương mại dịch vụ tăng 1000 ha; Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 1.057 ha; Đất giao thông tăng 4.133 ha; Đất ở tại đô thị tăng 367 ha; Đất ở tại nông thôn tăng 199 ha…

2.1. Đất quốc phòng

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất quốc phòng tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 6.309 ha (tăng 13 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 6.057 ha (tăng 07 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- Lý do điều chỉnh: Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt.

2.2. Đất an ninh

- Chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 1.372,39 ha (tăng 58,39 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 1.328 ha (tăng 23 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- Lý do điều chỉnh: Ngày 20/12/2022, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Công văn số 7417/UBND-NNTNMT góp ý Cục Quản lý Xây dựng và doanh trại về chỉ tiêu sử dụng đất an ninh của tỉnh. Trong đó, UBND tỉnh Đắk Nông thống nhất với Bộ Công an về chỉ tiêu quy hoạch đất an ninh giai đoạn 2021 - 2030 là 1.362,39 ha, cao hơn chỉ tiêu đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 là 48,39 ha.

Tuy nhiên, theo ý kiến của Bộ Công an tại Công văn số 604/BCA-ANKT ngày 06/3/2023 về việc tham gia ý kiến thẩm định đối với Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì Bộ Công an đề xuất chỉ tiêu đất an ninh trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 1.372,39 ha, tăng 58,39 ha so với chỉ tiêu được phân bổ.

2.3. Đất khu công nghiệp

- Chỉ tiêu quy hoạch đất khu công nghiệp tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 1.729 ha (tăng 1000 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 1.229 ha (tăng 669 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo nội dung Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 839/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh: Đất khu công nghiệp được phân bổ đến năm 2030 là 729 ha; kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 là 560 ha (tương ứng với đất các khu công nghiệp hiện nay đã được quy hoạch: khu công nghiệp Tâm Thắng: 181 ha; Khu công nghiệp Nhân Cơ: 148 ha; Khu công nghiệp Nhân Cơ 2: 400 ha). Tuy nhiên, tại thời điểm trình Thủ tướng Chính phủ (năm 2020-2021) các quy hoạch vùng, quy hoạch ngành quốc gia (giao thông, khoáng sản, liên kết vùng…) và quy hoạch tỉnh chưa được định hướng cụ thể nên chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất Khu công nghiệp đến năm 2030 chưa sát với nhu cầu và định hướng phát triển của tỉnh.

Trong phương án Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đề xuất thành lập Khu công nghiệp Quảng Sơn trong giai đoạn 2026 – 2050, được chia làm 2 giai đoạn với tổng quy mô 1.000 ha (trong đó: giai đoạn 2026 – 2030 là 500 ha, tầm nhìn đến 2050 là 500 ha). Do đó, đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho điều chỉnh tăng chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 lên 1.729 ha (tăng 1.000 ha so với phân bổ chỉ tiêu tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022).

2.4. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 34.422 ha (tăng 4.246 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 28.176 ha (tăng 2123 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt và nhu cầu sử dụng đất của các ngành để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương như: Đất giao thông tăng 4.133 ha; Đất xây dựng cơ sở văn hoá tăng 55 ha; Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao tăng 56 ha…

2.4.1. Đất giao thông

- Chỉ tiêu quy hoạch đất giao thông tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 14.777 ha (tăng 4.133 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 1.328 ha (tăng 23 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:*

+ Đối với các công trình: Bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, cảng hàng không, trung tâm Logistics: Cập nhật theo số liệu Quy hoạch tỉnh đã được thẩm định tháng 4/2023.

+ Đối với các tuyến đường giao thông: Trên cơ sở số liệu tổng hợp quỹ đất dành cho giao thông (hiện trạng, quy hoạch), đã rà soát, tính toán lại để đảm bảo phạm vi đất dành cho đường bộ phù hợp với cấp đường quy hoạch và quy định tại Nghị định số11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ (đất dành cho đường bộ bao gồm: Đất xây dựng công trình đường bộ, đất quản lý bảo trì và đất hành lang an toàn đường bộ).

2.4.2. Đất xây dựng cơ sở văn hoá

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất xây dựng cơ sở văn hoá tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 98 ha (tăng 55 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 71 ha (tăng 28 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt.

2.4.3. Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 là 246 ha (tăng 56 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 179 ha (tăng 28 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt.

2.5. Đất có di tích lịch sử văn hoá

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất có di tích lịch sử văn hoá tỉnh đến năm 2030 là 109 ha (tăng 01 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 66 ha (tăng 01 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2.6. Đất bãi thải, xử lý chất thải

- Chỉ tiêu diện tích quy hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải tỉnh đến năm 2030 là 250 ha (tăng 01 ha so với chỉ tiêu được phân bổ), kế hoạch thực hiện đến năm 2025 là 159 ha (tăng 01 ha so với chỉ tiêu được phân bổ).

- *Lý do điều chỉnh:* Theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố Gia Nghĩa đã được UBND tỉnh phê duyệt.

(5) Thứ 5, về các vấn đề mang tính đặc thù liên quan đến đầu tư các công trình, dự án nằm trong khu vực khoáng sản và vùng quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến quặng bôxít

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có đến 1.062 dự án, công trình có diện tích đất chồng lấn với quy hoạch bôxít và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia *(có tổng mức đầu tư khoảng 20.000 tỷ đồng),* trong đó các dự án đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 khoảng 5.000 tỷ đồng; cùng với đó còn có một số dự án lớn, quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (trong đó có 06 dự án đầu tư công 1.500 tỷ đồng đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025); các dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; công tác kêu gọi, thu hút đầu tư cũng như kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bị hạn chế.

Đắk Nông với địa hình là đồi bát úp, nhiều đồi núi dốc nên việc đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông, các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông yêu cầu cần phải có một lượng lớn nguồn đất đắp để thi công các công trình và thời gian tới là tuyến đường cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành. Tuy nhiên, hiện nay Tỉnh không thể cấp phép khai thác đất làm vật liệu san lấp do phần lớn nguồn đất làm vật liệu san lấp cho các công trình đầu tư trên địa bàn tỉnh nói chung và đối với tuyến đường cao tốc trong thời gian tới nói riêng đều nằm trong các khu vực đã được quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản theo Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch 167). Trong Phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng

khoáng sản được tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Đắk Nông đã bổ sung 113 mỏ đất làm vật liệu san lấp (các mỏ đất san lấp này đã đưa vào Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Hiện nay, dự thảo Quy hoạch tỉnh Đắk Nông đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch quốc gia thông qua, tuy nhiên chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do đó, chưa đủ cơ sở pháp lý để tiến hành các thủ tục cấp giấy phép khai thác đất làm vật liệu san lấp, phục vụ thi công các công trình trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Đắk Nông đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành Trung ương: (1) Trong thời gian xây dựng, sửa đổi Luật Khoáng sản, Luật Đất đai và các nghị định kèm theo phối hợp chặt chẽ, ghi nhận ý kiến góp ý của tỉnh Đắk Nông để hoàn thiện các quy định của pháp luật, bám sát thực tiễn, giải quyết thấu đáo, toàn diện những bất cập, vướng mắc liên quan đến vấn đề đầu tư trên vùng có khoáng sản bôxít của tỉnh Đắk Nông. (2) Kiến nghị cấp có thẩm quyền cho phép triển khai thực hiện các dự án, công trình nằm trong vùng Quy hoạch bôxít và khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, đặc biệt là các công trình, dự án thuộc danh mục đầu tư công trung hạn; các công trình, dự án thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; các dự án lớn, quan trọng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đang triển khai đầu tư. (3) Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp bản đồ phân bố khu vực chứa thân quặng bôxít đã được phê duyệt trữ lượng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, làm cơ sở cho UBND tỉnh rà soát các dự án phát triển kinh tế - xã hội chồng lấn với khu vực có chứa thân quặng. UBND tỉnh Đắk Nông cam kết lưu giữ, quản lý thông tin về trữ lượng bôxít theo đúng quy định của pháp luật. (4) Có cơ chế đặc thù cho phép UBND tỉnh cấp xác nhận bản đăng ký khu vực, khối lượng, công suất khai thác đất có lẫn với bôxít làm vật liệu san lấp hoặc cấp giấy phép khai thác đất có lẫn bôxít làm vật liệu san lấp trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình để phục vụ cho các công trình có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội như các công trình hạ tầng kỹ thuật: đường giao thông, các dự án điện; các công trình phúc lợi xã hội như trường học, bệnh viện... đặc biệt là tuyến cao tốc Chơn Thành - Gia Nghĩa. (5) Hướng dẫn công tác thăm dò, khai thác các mỏ đất làm vật liệu san lấp, mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác bôxít hoặc phát hiện có bôxít.

PHỤ LỤC III

Quy trình tổ chức lập, lấy ý kiến và tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND, ngày /6/2023 của UBND tỉnh)

I. Quy trình tổ chức lập Quy hoạch tỉnh

Căn cứ Luật Quy hoạch và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo nhiệm vụ lập quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2020.

Công tác lập quy hoạch đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh; sự tham gia của Ủy ban Mặt Tổ quốc Tỉnh, các cơ quan, tổ chức và cộng đồng nhân dân trong tỉnh. Quy hoạch tỉnh Đắk Nông đã được nghiên cứu công phu, nghiêm túc; phân tích, xây dựng dựa trên một hệ thống thông tin, dữ liệu đầy đủ, đáng tin cậy về hiện trạng, tiềm năng và khả năng phát triển, đảm bảo tính khả thi; được chia thành 05 Phần, gồm 41 Đề mục thể hiện đầy đủ 16 nội dung chính theo Điều 27 Luật Quy hoạch. Đây là bản quy hoạch được lập theo cách tiếp cận tích hợp, đa ngành, nhằm cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, phù hợp với quan điểm, định hướng quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành, lĩnh vực cấp quốc gia, Quy hoạch vùng đã được phê duyệt hoặc đang được lập đồng thời; cụ thể hóa tầm nhìn, quan điểm, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên đã được Bộ Chính trị chỉ đạo tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 và đảm bảo tính liên kết, thống nhất, đồng bộ trong định hướng phát triển giữa các ngành, lĩnh vực của tỉnh thông qua việc xây dựng 34 nội dung đề xuất tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

Quá trình lập đã tuân thủ chặt chẽ quy định về cách thức, mức độ chi tiết tích hợp (theo đúng quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ), tổ chức lấy ý kiến rộng rãi quy hoạch tỉnh, UBND tỉnh đã xây dựng các Báo cáo đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ theo hướng dẫn của Trung ương và tổ chức 02 Hội thảo khoa học lấy ý kiến; Tổ chức 04 đợt lấy ý kiến về Hồ sơ cuối kỳ quy hoạch tỉnh gửi các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nhà đầu tư, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Nhân dân trong tỉnh, thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Lấy ý kiến 21 Bộ và cơ quan ngang Bộ, 05 tỉnh liền kề và vùng Tây Nguyên. Đồng thời, nhằm nâng cao chất lượng Quy hoạch và bảo đảm tính khả thi, tỉnh Đắk Nông đã mời tư vấn quốc tế (Công ty McKinsey, Công ty Roland Berger), các chuyên gia trong nước và một số Thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng Chính phủ; Lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ để xin ý kiến góp ý, đề xuất hoàn thiện chiến lược phát triển của tỉnh.

Song song với quá trình lập Quy hoạch tỉnh, tỉnh Đắk Nông đã lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) theo Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường và tại Hội thảo tham vấn ngày 17/02/2023 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì. Báo cáo ĐMC tỉnh Đắk Nông đã được đồng ý thông qua tại Hội thảo với điều kiện có chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện.

Ngày 05/4/2023, Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh (gồm đại diện của 18 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 09 chuyên gia Ủy viên phản biện) nhất trí thông qua Hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông với tỷ lệ phiếu thông qua là 27/27 phiếu (đạt 100% thành viên Hội đồng thẩm định tham dự phiên họp biểu quyết bằng phiếu đánh giá) với điều kiện phải bổ sung, chỉnh sửa và hoàn thiện. Đồng thời, đã nhận được ý kiến bằng văn bản của 19/20 Bộ, cơ quan ngang Bộ; 09/09 ý kiến của Ủy viên phản biện (05/05 ý kiến phản biện quy hoạch, 04/04 ý kiến đối với ĐMC).

Ngày 27/4/2023, Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) ban hành Biên bản số 3232/BB-HĐTĐ về Phiên họp Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo ĐMC của quy hoạch; Báo cáo số 3198/BC-HĐTĐ về Báo cáo thẩm định Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch.

Sau khi tiếp thu, giải trình và hoàn thiện, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát hồ sơ theo quy định.

II. Các đợt lấy ý kiến, hoàn thiện

1. Lấy ý kiến tại Địa phương: Các sở, ban, ngành, Ban Đảng, Ban HĐND tỉnh, cơ quan trung ương trên địa bàn (về báo cáo cuối kỳ):

- Lần 1: ngày 25/4/2022.

- Lần 2: ngày 22/7/2022.

- Lần 3: ngày 29/8/2022.

- Lần 4: ngày 07/11/2022.

2. Tổ chức các hội thảo, hội nghị xin ý kiến, góp ý

- Tại Hội thảo đầu kỳ ngày 18/10/2021, có sự tham dự của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội; Bí thư, Chủ tịch các huyện, thành phố.

- Tại Hội thảo cuối kỳ ngày 16/9/2022, có sự tham dự của: các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; các đồng chí nguyên Lãnh đạo tỉnh; lãnh đạo HĐND tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các Ban đảng Tỉnh ủy; các Ban HĐND tỉnh; các Sở, ban, ngành và các cơ quan Trung ương đóng chân trên địa bàn; Bí thư, Chủ tịch các huyện, thành phố; các tổ chức chính trị - xã hội; Đại diện Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các chuyên gia, nhà khoa học; đại diện một số Tập đoàn, doanh nghiệp lớn;…

- Xin ý kiến tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua nội dung định hướng quy hoạch ngày 07/10/2022 (tại Kết luận số 267-KL/TU ngày 13/01/2022).

- Xin ý kiến tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung tiếp thu, giải trình (tại Kết luận số 509-KL/TU ngày 08/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về

việc hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xem xét).

2. Lấy ý kiến cơ quan Trung ương

- Ngày 19/7/2022: Lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

- Ngày 26/8/2022: Lấy ý kiến (lần 1) 21 Bộ và cơ quan ngang Bộ, 05 tỉnh lân cận và Vùng Tây Nguyên.

- Ngày 13/01/2023: Lấy ý kiến (lần 2) các Bộ, Cơ quan Trung ương và Ủy viên Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh.

- Ngày 05/4/2023: Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định (27/27 ý kiến đồng ý thông qua có chỉnh sửa)./.